LAW106 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Bài 1 : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

GIẢNG VIÊN: ThS. ĐÀO THU HÀ

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

ThS. Đào Thu Hà

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Bài học này cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

- Những vấn đề cơ bản về nguồn gốc nhà nước; đặc trưng, bản chất, chức năng và hình thức của nhà nước.
- Bộ máy nhà nước cũng như những vấn đề liên quan đến bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Những vấn đề cơ bản về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Sau khi học xong bài này, sinh viên có thể hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về:

- Nguồn gốc sự ra đời của nhà nước, đặc trưng, bản chất của nhà nước;
- Các chức năng của nhà nước, hình thức và bộ máy nhà nước;
- Các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;
- Khái niệm và đặc trưng của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

NỘI DUNG

- NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC
- BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC
- CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC
- HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC VÀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
- BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM
- NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CHXHCN VIỆT NAM

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

❑ MỘT SỐ QUAN ĐIỂM VỀ NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

- ✓ Nhà nước là một hiện tượng tồn tại khách quan, để nhận thức được một cách đúng đắn về bản chất, vai trò của nhà nước thì trước tiên phải làm sáng tỏ nguồn gốc ra đời của nhà nước.
- ✓ Hiện có rất nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc nhà nước, như:

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

Quan điểm phi Macxit về nguồn gốc nhà nước

❑ THUYẾT THẦN QUYỀN

- ✓ Đại biểu của thuyết thần học là Thomas Aquain, J Calvin.
- ✓ Theo thuyết thần học, thì Thượng đế tạo ra vạn vật, Nhà nước cũng do Thượng đế tạo ra, thể hiện ý Chúa.
- ✓ Quyền lực nhà nước là quyền lực siêu nhiên, vĩnh cửu và bất biến.
- ✓ Quan niệm này tồn tại trong hầu hết các giáo lý của các tôn giáo và các thời kỳ Chủ Nô và Trung cổ.

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

Quan điểm phi Macxit về nguồn gốc nhà nước

❑ THUYẾT GIA TRƯỞNG

- ✓ Đại diện cho thuyết gia trưởng là Aristoteles, Bodin, More ...
- ✓ Theo quan điểm này thì nhà nước ra đời xuất phát từ sự phát triển của hình thức gia đình. Xã hội như một gia đình thu nhỏ, quyền lực nhà nước giống như quyền lực của người đứng đầu gia đình.
- ✓ Quan niệm này bảo vệ chế độ quân chủ chuyên chế thời kỳ phong kiến.

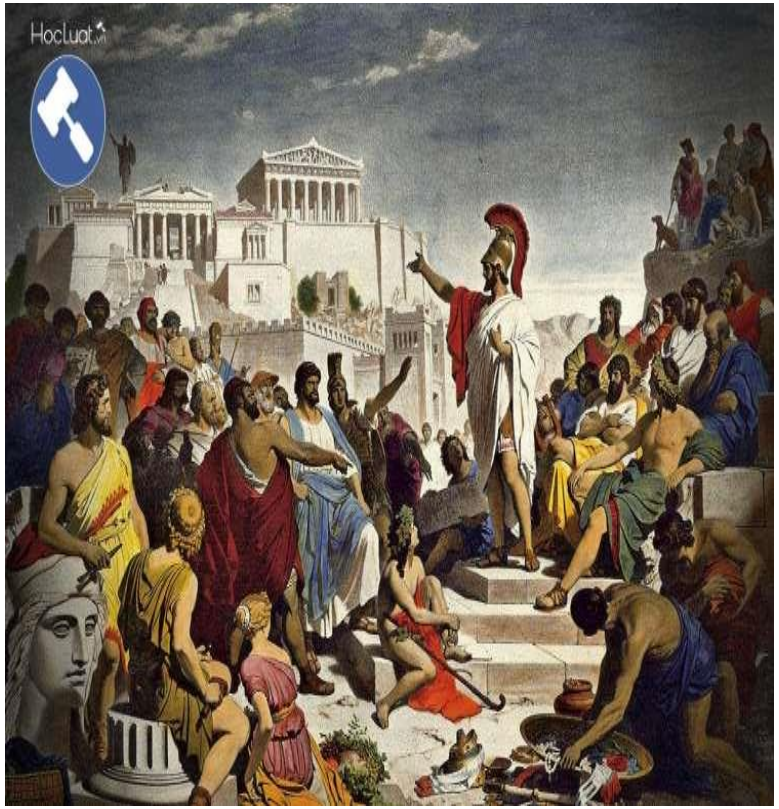

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

Quan điểm phi Macxit về nguồn gốc nhà nước

❑ THUYẾT KHẾ ƯỚC XÃ HỘI

- ✓ Đại biểu của thuyết khế ước là Thomas Hobbes, J Jacques Rousseau, J Loke ...
- ✓ Theo thuyết khế ước xã hội thì nhà nước ra đời là kết quả của một ***hợp đồng*** giữa những con người sống trong trạng thái tự nhiên không có nhà nước. Nhà nước phản ánh lợi ích của các thành viên trong xã hội, mỗi thành viên đều có quyền yêu cầu nhà nước phục vụ và bảo vệ họ.
- ✓ Quan niệm này được phát triển thành tiền đề chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở Tây Âu.

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

❑ QUAN ĐIỂM PHI MACXIT VỀ NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

- ✓ Chưa chỉ ra được nguyên nhân sâu xa cho sự ra đời của nhà nước
- ✓ Chưa phản ánh được bản chất giai cấp của nhà nước
- ✓ Nhà nước ra đời không từ yếu tố vật chất mà từ yếu tố tinh thần, là một hiện tượng xã hội tồn tại bất biến, vĩnh cửu.

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

❑ QUAN ĐIỂM MAC - LÊNIN

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng “nhà nước không phải là một hiện tượng vĩnh cửu, bất biến, mà nhà nước hình thành, phát triển và tiêu vong trong những điều kiện lịch sử nhất định. Nhà nước là hiện tượng nảy sinh từ xã hội, là sản phẩm của xã hội loài người. Nhà nước chỉ xuất hiện khi xã hội đạt đến một trình độ phát triển nhất định và tiêu vong khi những điều kiện khách quan cho sự tồn tại của nó không còn”.

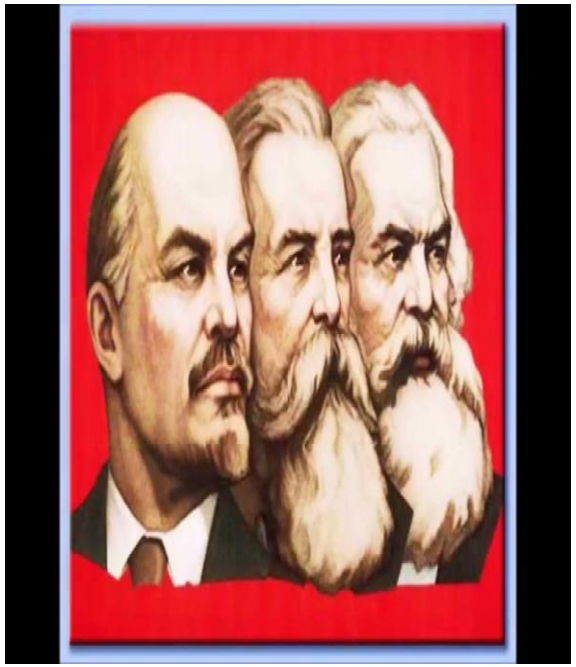

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

Quan điểm Macxit về nguồn gốc nhà nước

❑ SỰ XUẤT HIỆN CỦA NHÀ NƯỚC

CÔNG XÃ NGUYÊN THỦY

KINH TẾ

- Săn bắt và hái lượm
- Phân công lao động tự nhiên
- Phụ thuộc thiên nhiên
- Công hữu về tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động

XÃ HỘI

CHẾ ĐỘ MẪU HỆ → *CHẾ ĐỘ PHỤ HỆ*

THỊ TỘC → ***BÀO TỘC*** → ***BỘ LẠC***

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

Quan điểm Macxit về nguồn gốc nhà nước

❑ SỰ TAN RÃ CỦA CHẾ ĐỘ THỊ TỘC VÀ NHÀ NƯỚC XUẤT HIỆN

- ✓ **Kim loại xuất hiện**
- ✓ **Năng xuất lao động tăng cao**
- ✓ **Của cải được tích tụ**

Xã hội cổ đại trải qua ba lần phân công lao động lớn:

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

Quan điểm Macxit về nguồn gốc nhà nước

- BA LẦN PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG XÃ HỘI

Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt

Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

Thương nghiệp ra đời

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

❑ SỰ TAN RÃ CỦA CHẾ ĐỘ THỊ TỘC VÀ NHÀ NƯỚC XUẤT HIỆN

Ba lần phân công lao động xã hội → Phân hóa tài sản → **Tư hữu ra đời** → Hôn nhân 1 vợ 1 chồng → Gia đình nhỏ = tế bào của xã hội → Xuất hiện ***giàu nghèo cách biệt***

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

❑ SỰ TAN RÃ CỦA CHẾ ĐỘ THỊ TỘC VÀ NHÀ NƯỚC RA ĐỜI

- ➢ Lực lượng sản xuất phát triển
- ➢ Kinh tế phát triển
- ➢ Xuất hiện sản phẩm dư thừa
- ➢ Xuất hiện giai cấp
- ➢ Mâu thuẫn giai cấp không điều hòa được

Thị tộc bị phá vỡ

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

❑ KHÁI NIỆM NHÀ NƯỚC

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, bộ máy cưỡng chế, quản lý xã hội, duy trì trật tự xã hội, bảo vệ địa vị của giai cấp thống trị.

NGUỒN GỐC NHÀ NƯỚC

❑ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC

1. Quyền lực công cộng đặc biệt
2. Có lãnh thổ Và phân chia dân cư theo lãnh thổ
3. Có chủ quyền Quốc gia
4. Ban hành pháp luật
5. Ban hành chính sách Thuế

BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC

TÍNH GIAI CẤP

Nhà nước là sản phẩm của xã hội có giai cấp và đấu tranh giai cấp

Bộ máy cưỡng chế của giai cấp cầm quyền

TÍNH XÃ HỘI

Nhà nước sinh ra trong lòng xã hội phục vụ lợi ích chung của xã hội

Đại diện cho toàn thể xã hội

CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC

❑ KHÁI NIỆM

Chức năng nhà nước là phương diện hoạt động cơ bản, có tính định hướng lâu dài, trong nội bộ quốc gia và trong quan hệ quốc tế, thể hiện vai trò của nhà nước, nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước nhà nước.

CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC

CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC

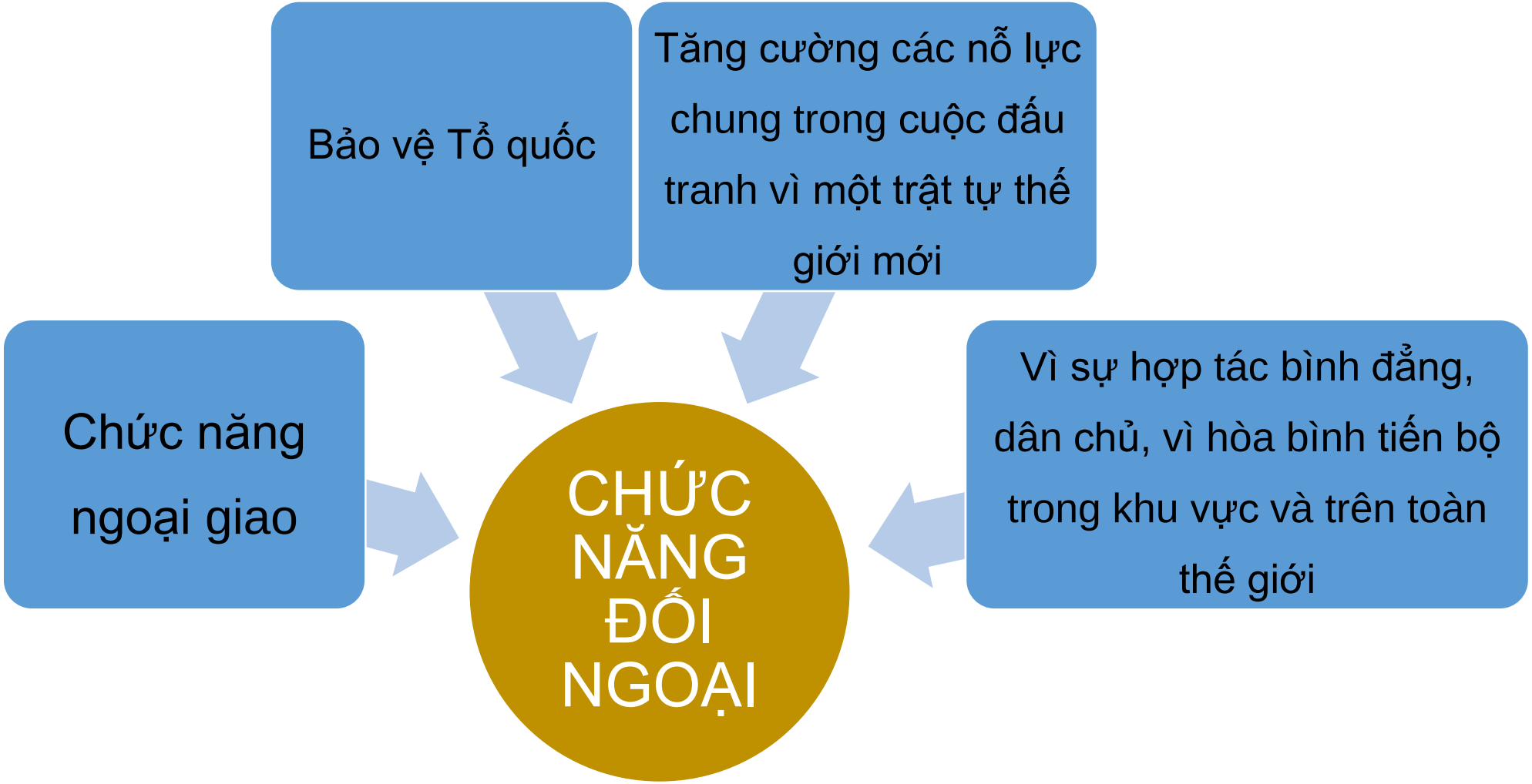

HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

❑ KHÁI NIỆM

Hình thức nhà nước là cách tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

GỒM BA YẾU TỐ

- HÌNH THỨC CHÍNH THỂ
- CẤU TRÚC NHÀ NƯỚC
- CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ

HÌNH THỨC CHÍNH THỂ

Là cách thức tổ chức, trình tự thành lập ra các cơ quan quyền lực nước tối cao và sự xác lập mối quan hệ giữa các cơ quan đó với nhau. Có 2 hình thức chính thể cơ bản:

Chính thể quân chủ

- Quân chủ tuyệt đối
- Quân chủ hạn chế → Quân chủ lập hiến

Chính thể Cộng hòa

- Cộng hòa quý tộc
- Cộng hòa dân chủ

HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

❑ *HÌNH THỨC CẤU TRÚC NHÀ NƯỚC*

là sự cấu tạo nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập những mối quan hệ giữa các đơn vị đó với nhau cũng như giữa trung ương với địa phương. Có hai hình thức cấu trúc nhà nước chủ yếu là hình thức nhà nước đơn nhất và hình thức nhà nước liên bang.

Nhà nước đơn nhất là nhà nước có chủ quyền chung, có hệ thống cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính thống nhất từ trung ương đến địa phương (Việt Nam, Pháp, Lào…)

Nhà nước liên bang là nhà nước do hai hay nhiều nước thành viên hợp thành trong đó cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất chung cho toàn liên bang, đồng thời mỗi nhà nước thành viên lại có cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của mình (Mĩ, Nga…)

HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC

❑ *CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ*

Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp và thủ đoạn mà các cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước. Trong lịch sử các giai cấp thống trị đã sử dụng nhiều phương pháp và thủ đoạn để thực hiện quyền lực nhà nước một cách khác nhau

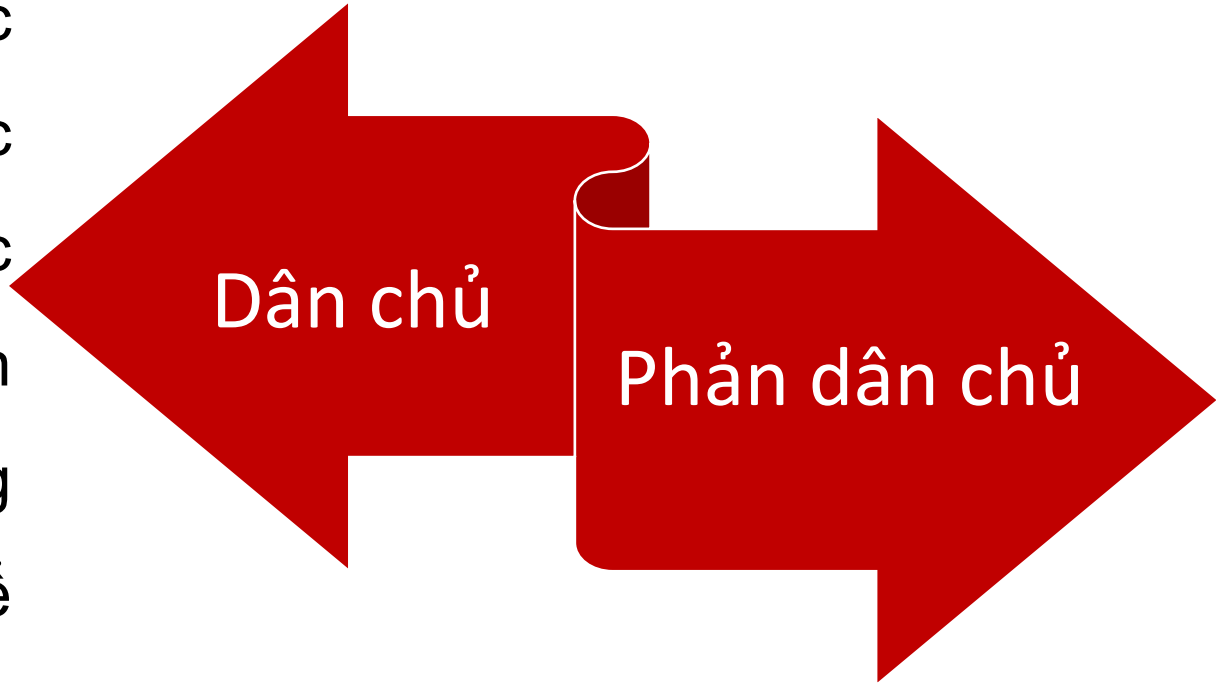

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

❑ KHÁI NIỆM

Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước được tổ chức theo những nguyên tắc nhất định, để thực hiện các nhiệm vụ và chức năng của nhà nước.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC		
TẬP QUYỀN CHUYÊN CHẾ	PHÂN QUYỀN	TẬP QUYỀN DÂN CHỦ

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

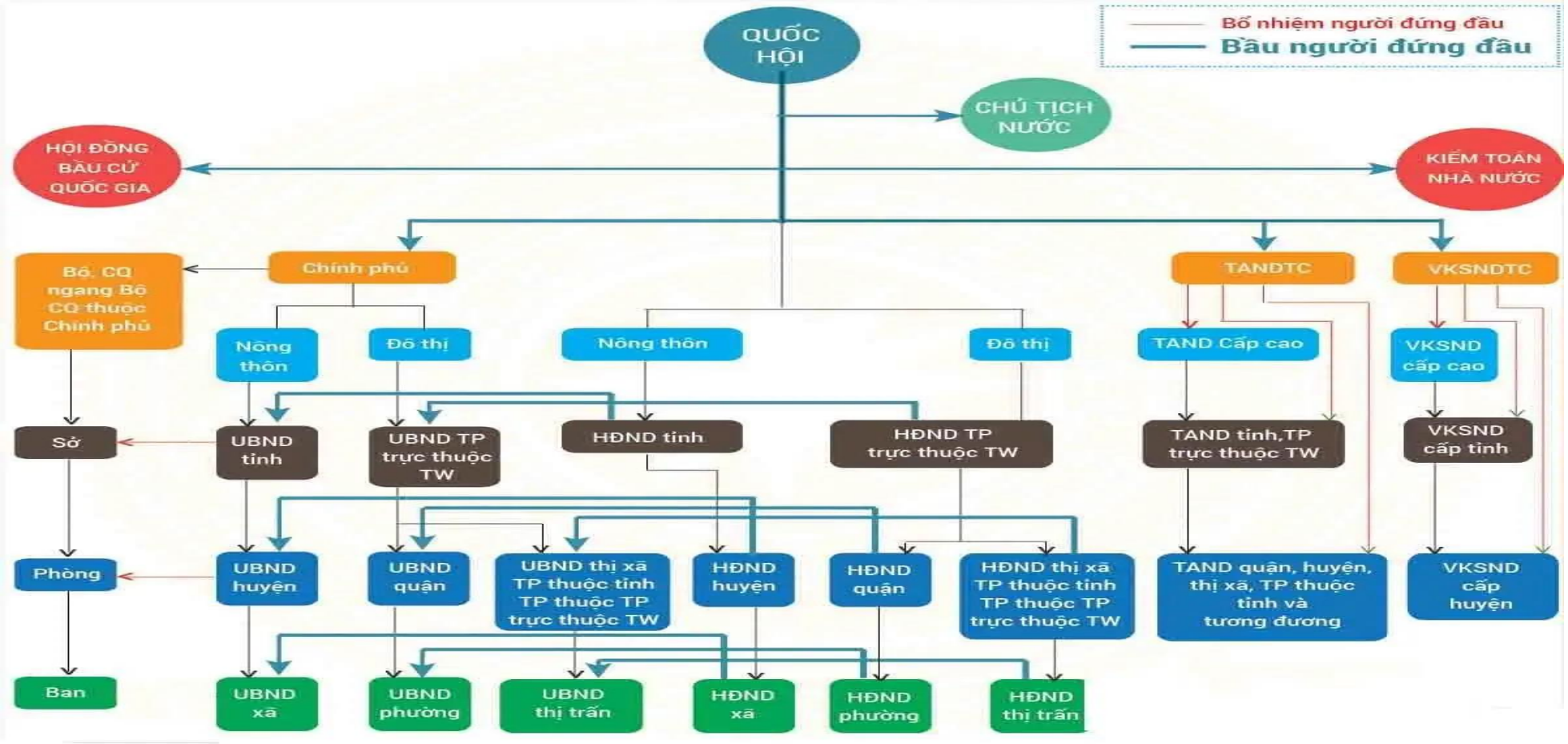

CƠ QUAN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC

- Còn được gọi là Cơ quan dân cử, cơ quan đại diện
- Gồm có: Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

QUỐC HỘI

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ QUỐC HỘI NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Điều 69 HP sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao”.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

- Tính chất của Quốc hội

Tính đại biểu

- Do cử tri trực tiếp bầu ra, chịu sự giám sát của cử tri…

Tính quyền lực

- Thể hiện qua chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ …

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ QUỐC HỘI

Có 3 chức năng chính

Lập hiến, lập pháp

Quyết định các chính sách quan trọng của đất nước

Giám sát tối cao

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ QUỐC HỘI

❑Kỳ họp Quốc Hội là hình thức hoạt động chủ yếu của quốc hội, mỗi năm hai lần thường niên, có thể có phiên họp bất thường.

❑Tại kỳ họp, Quốc hội được quyền ban hành các văn bản sau:

Hiến pháp, Luật và Nghị quyết của Quốc hội

• Nhiệm kỳ của mỗi khóa Quốc hội = 5 năm

• Trường hợp đặc biệt: khi có 2/3 tổng số đại biểu QH tán thành: QH quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ, theo đề nghị của UBTVQH, nhưng không quá 12 tháng trừ khi có chiến tranh.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Là cơ quan thường trực của Quốc Hội

- UBTVQH gồm: chủ tịch QH, các phó chủ tịch QH và các ủy viên
- Số thành viên của UBTVQH do QH quyết định và không đồng thời là thành viên Chính phủ
- Có thẩm quyền ban hành: *Pháp lệnh và Nghị quyết của UBTVQH*

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ QUỐC HỘI

- ***CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỦA QUỐC HỘI***

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN – Điều 113 – Hiến pháp 2013

- Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra
- HĐND quyết định các vấn đề của địa phương do luật định, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật
- Nhiệm kỳ của HĐND là 5 năm
- Tổ chức và hoạt động cụ thể của HĐND các cấp theo Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2014
- HĐND được quyền ban hành: *Nghị quyết của HĐND*

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

VỊ TRÍ TÍNH CHẤT CỦA CHÍNH PHỦ

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

(Điều 94 Hiến pháp 2013)

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

TÍNH CHẤT PHÁP LÝ CỦA CHÍNH PHỦ

Tính chấp hành

- Là cơ quan chấp hành của Quốc Hội

Cơ quan hành chính cao nhất

- Là cơ quan điều hành, thi hành pháp luật

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Cơ cấu tổ chức của Chính phủ

- Chính phủ gồm Thủ tướng CP, các Phó thủ tướng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ
- Cơ cấu, số lượng thành viên của Chính phủ do Quốc hội quyết định
- Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số
- Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Cơ cấu tổ chức của Chính phủ

CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

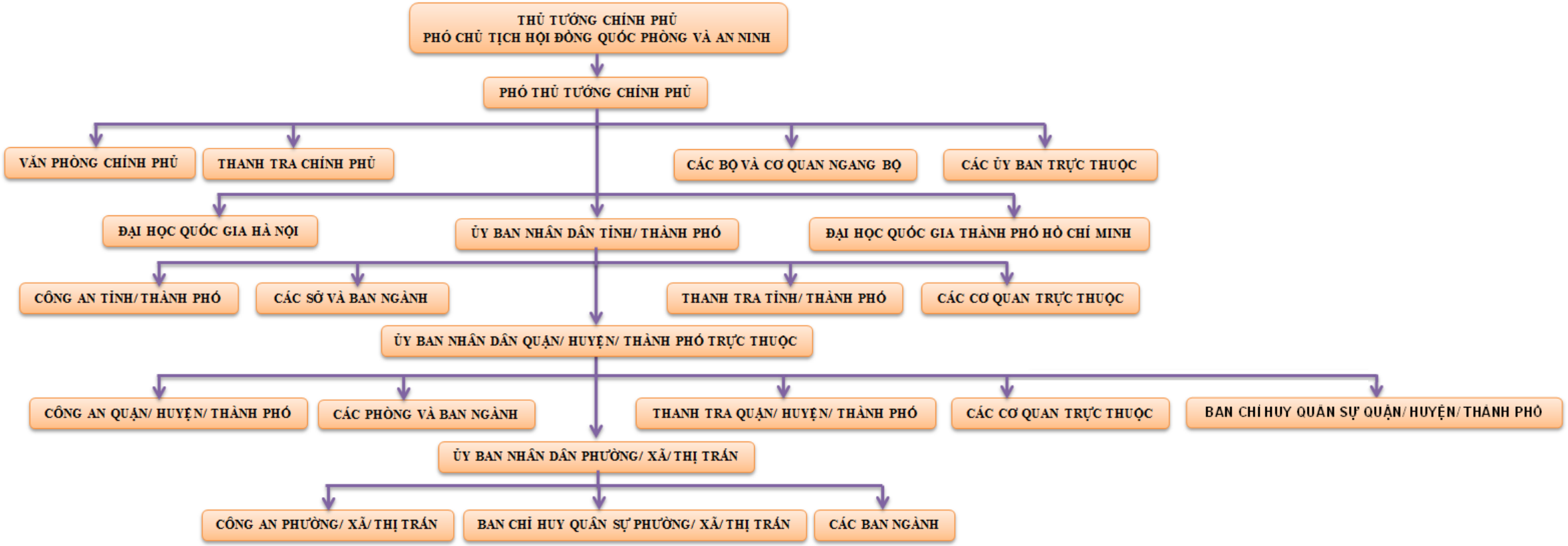

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ

- Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội …
- Đề xuất xây dựng chính sách trình Quốc hội, …
- Thống nhất quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, ….
- Trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, Cơ quan ngang bộ, ….
- Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia,…
- Theo quy định tại Điều 96, 97 Hiến pháp 2013

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

Thủ tướng Chính phủ

- Do Quốc hội bầu ra trong số đại biểu Quốc hội
- Lãnh đạo công tác của Chính phủ
- Lãnh đạo và chịu trách nhiệm về hoạt động của nền hành chính quốc gia
- Trình Quốc hội đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng, thành viên của Chính phủ, …
- Quyết định và chỉ đạo việc đàm phán
- Thực hiện chế độ báo cáo trước nhân dân theo quy định tại Điều 98 Hiến pháp 2013

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc chính phủ

- Bộ, CQ ngang bộ là CQ của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc
- Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng Bộ, CQ ngang bộ theo Đ39 Luật tổ chức Chính phủ năm 2014
- Cơ quan thuộc Chính phủ do Chính phủ thành lập
- Nhiệm vụ quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng CQ ngang bộ, CQ thuộc Chính phủ quy định trong Luật tổ chức chính phủ năm 2014 và Nghị định chi tiết của Chính phủ.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ Thẩm quyền ban hành văn bản

- Chính phủ: Nghị định, Nghị quyết liên tịch
- Thủ tướng: quyết định, chỉ thị
- Bộ trưởng, thủ trưởng CQ ngang bộ: quyết định, chỉ thị, thông tư

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

- Ủy ban nhân dân các cấp – Điều 114 Hiến pháp 2013
  - Do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra
  - Là cơ quan chấp hành của HĐND cùng cấp, là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
  - Chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương, HĐND cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên trực tiếp
  - Theo Điều 8 Luật tổ chức Chính quyền địa phương 2014
  - UBND được quyền ban hành: ***quyết định***

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ TÒA ÁN NHÂN DÂN

VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT PHÁP LÝ

- Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp – Điều 102 Hiến pháp năm 2013

- Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

- Quy định trong Luật tổ chức Toà án nhân dân năm 2014.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ TÒA ÁN NHÂN DÂN

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

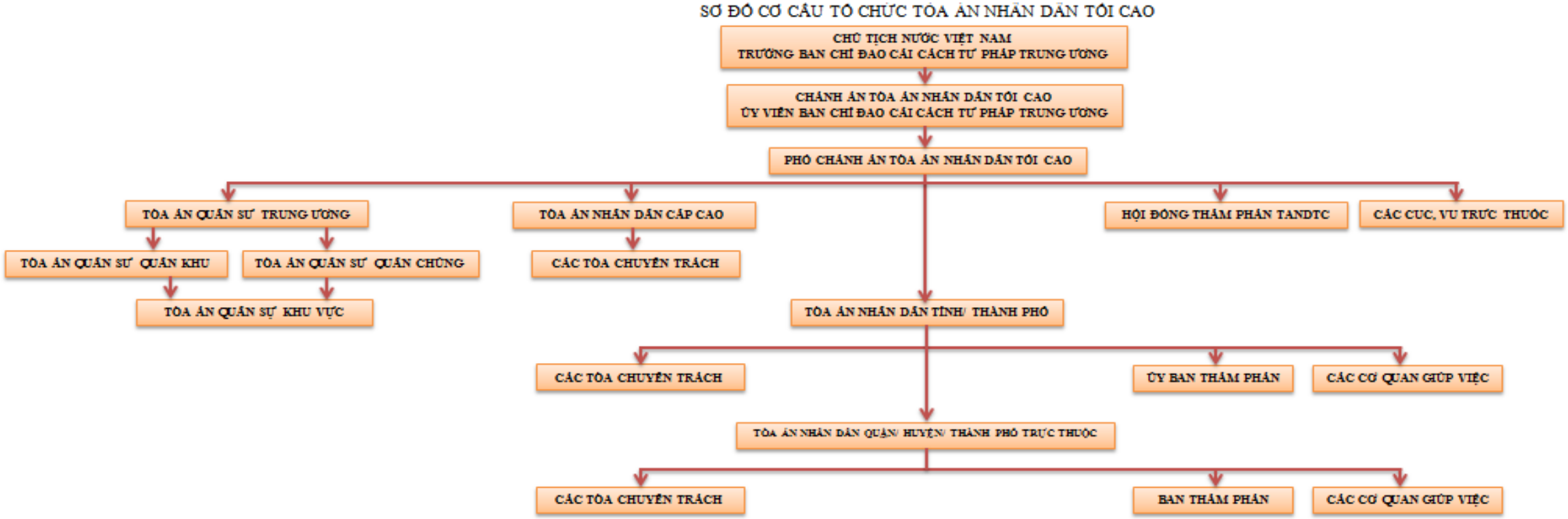

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT PHÁP LÝ

- Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp - Điều 107 Hiến pháp 2013
- Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.
- Quy định trong Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

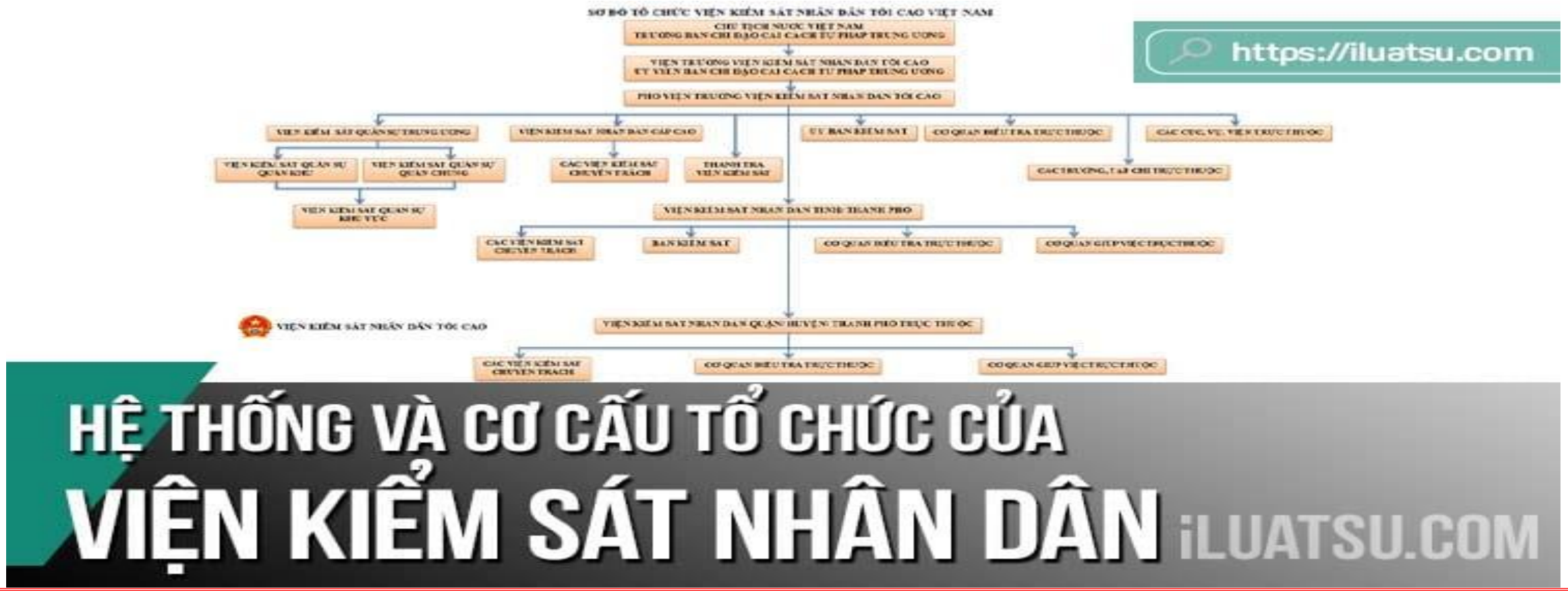

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHỦ TỊCH NƯỚC

VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT PHÁP LÝ

- Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại - Điều 86 HP sđ, bs năm 2013

- Do Quốc Hội bầu ra trong số ĐBQH theo sự giới thiệu của UBTVQH, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước QH.

- Nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của QH, khi QH hết nhiệm kỳ Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi QH khóa mới bầu ra Chủ tịch nước

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHỦ TỊCH NƯỚC

❖ **Về đối nội**

- Trực tiếp hoặc gián tiếp → thành lập ra các chức vụ cấp cao, điều phối hoạt động giữa CQNN then chốt ở trung ương
- Là Chủ tịch hội đồng quốc phòng – an ninh
- Thay mặt nhà nước công bố Hiến pháp, luật, công bố tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp của đất nước, …

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHỦ TỊCH NƯỚC

- **Về đối ngoại**
  - ➢ Thay mặt NN CHXHCN VN trong quan hệ quốc tế
  - ➢ Phê chuẩn các quyết định ngoại giao
  - ➢ Là biểu tượng cho chủ quyền Quốc gia
- Chủ tịch nước được ban hành: lệnh, quyết định

BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM

❑ CHỦ TỊCH NƯỚC

Phó Chủ tịch nước

- Do Quốc Hội bầu ra trong số ĐBQH, giúp Chủ tịch nước thực hiện nhiệm vụ
- Khi CTN không làm việc được trong thời gian dài thì Phó Chủ tịch nước giữ quyền CTN cho đến khi QH bầu ra Chủ tịch nước mới

Văn phòng Chủ tịch nước

- Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch nước

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

❑ KHÁI NIỆM NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

Nhà nước pháp quyền là một chế độ chính trị mà ở đó nhà nước và cá nhân phải tuân thủ pháp luật và nghĩa vụ của tất cả, của mỗi người được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, các quy trình, quy phạm pháp luật được bảo đảm thực hiện bằng một hệ thống tòa án độc lập.

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

❑ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

1. Được hình thành và phát triển trên cơ sở đánh đổ chế độ phong kiến, không kinh qua chế độ TBCN
2. Là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân
3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp
4. Tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ
5. Có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

❑ ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

6

Quản lý xã hội chủ yếu bằng pháp luật

7

Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội

CẢM ƠN

LAW106 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Bài 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

ThS. VŨ THANH DƯƠNG

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT

ThS. VŨ THANH DƯƠNG

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- ✓Pháp luật ra đời nhằm đáp ứng những đòi hỏi mang tính tất yếu khách quan của xã hội, xuất phát từ nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm hướng chúng theo một trật tự nhất định phù hợp với ý chí, với mong muốn của nhà nước.

- ✓Pháp luật có quan hệ chặt chẽ và mật thiết với các hiện tượng quan trọng khác trong xã hội như chính trị, kinh tế. Làm sáng tỏ mối quan hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội khác để thấy vai trò quan trọng không thể thiếu của pháp luật.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Sau khi học xong bài này, sinh viên cần nắm được các vấn đề sau:

Nguồn gốc sự hình thành của pháp luật trong xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bản chất và đặc điểm của pháp luật

Các thuộc tính của pháp luật

Hình thức của pháp luật

NỘI DUNG

- NGUỒN GỐC, KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT CỦA PHÁP LUẬT
- THUỘC TÍNH CỦA PHÁP LUẬT
- HÌNH THỨC CỦA PHÁP LUẬT
- VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT
- MỐI LIÊN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI KHÁC

NGUỒN GỐC, KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT PHÁP LUẬT

❑ NGUỒN GỐC CỦA PHÁP LUẬT

✓ Những nguyên nhân làm phát sinh ra nhà nước cũng chính là những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của pháp luật.

- ➢ Trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ, những tập quán và tín điều tôn giáo đã là những quy phạm xã hội rất phù hợp để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội lúc đó.
- ➢ Khi chế độ tư hữu xuất hiện và xã hội đã phân chia thành giai cấp thì những tập quán đó không còn phù hợp nữa, cần thiết phải có một quy phạm mới để thiết lập cho xã hội một “trật tự”.

NGUỒN GỐC, KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT PHÁP LUẬT

❑ NGUỒN GỐC CỦA PHÁP LUẬT

❖ Như vậy, nhà nước và pháp luật cùng xuất hiện ở những giai đoạn phát triển kinh tế nhất định, giai đoạn gắn liền với sự ra đời của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, phân chia xã hội thành giai cấp. Sự tồn tại và phát triển của nhà nước và pháp luật gắn liền sự tồn tại và phát triển của giai cấp và đấu tranh giai cấp.

NGUỒN GỐC, KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT PHÁP LUẬT

❑ KHÁI NIỆM PHÁP LUẬT

✓ Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành (hoặc thừa nhận) để điều chỉnh các quan hệ xã hội phù hợp với ý chí của giai cấp thống trị và được nhà nước bảo đảm thực hiện.

NGUỒN GỐC, KHÁI NIỆM, BẢN CHẤT PHÁP LUẬT

❑ BẢN CHẤT CỦA PHÁP LUẬT

1 TÍNH GIAI CẤP

- Thể hiện ở sự phản ánh ý chí, lợi ích của giai cấp thống trị.

2 TÍNH XÃ HỘI

- Bảo vệ quyền lợi của các giai cấp, tầng lớp khác và toàn xã hội nói chung.

THUỘC TÍNH CỦA PHÁP LUẬT

1

- Tính bắt buộc chung (Tính quy phạm phổ biến)

2

- Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

3

- Tính đảm bảo được thực hiện bằng Nhà nước

THUỘC TÍNH CỦA PHÁP LUẬT

❑ TÍNH BẮT BUỘC CHUNG

- ✓ Quy phạm được hiểu là những quy tắc xử sự chung, được coi là khuôn mẫu, chuẩn mực đối với hành vi của một cá nhân, tổ chức.
- ✓ Pháp luật được nhà nước ban hành hay thừa nhận không chỉ dành riêng cho một cá nhân, tổ chức cụ thể mà áp dụng cho tất cả các chủ thể.

THUỘC TÍNH CỦA PHÁP LUẬT

❑ TÍNH XÁC ĐỊNH CHẶT CHẼ VỀ MẶT HÌNH THỨC

- ✓ Lời văn: phải chính xác, cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, không đa nghĩa.
- ✓ Pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và thông qua cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- ✓ Sự xác định chặt chẽ trong cấu trúc của pháp luật.

THUỘC TÍNH CỦA PHÁP LUẬT

❑ TÍNH ĐẢM BẢO ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG NHÀ NƯỚC

✓ Pháp luật do Nhà nước ban hành và thừa nhận, đồng thời Nhà nước sẽ đảm bảo cho pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống. Sự đảm bảo đó được thể hiện qua việc:

- Nhà nước tạo điều kiện khuyến khích giúp đỡ chủ thể thực hiện pháp luật.
- Nhà nước đảm bảo cho pháp luật được thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước.

HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

❑ KHÁI NIỆM HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

Hình thức pháp luật là phương thức tồn tại của pháp luật.

HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

❑ CÁC HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

Tập quán pháp

Tiền lệ pháp

Văn bản pháp luật

HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

❑ CÁC HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

TẬP QUÁN PHÁP

- Là hình thức nhà nước thừa nhận một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, nâng chúng thành các quy tắc xử sự chung được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế bắt buộc.
- Do được nhà nước thừa nhận nên *tập quán pháp* trở thành ý chí của giai cấp thống trị buộc mọi người phải tuân thủ, còn *tập quán* thông thường được tuân theo chỉ là thói quen, do truyền thống mà thôi.

HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

❑ CÁC HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

TIỀN LỆ PHÁP

- Là hình thức nhà nước thừa nhận các quyết định của cơ quan hành chính hay cơ quan xét xử khi giải quyết những vụ việc cụ thể làm khuôn mẫu áp dụng đối với các vụ việc tương tự.
- Cũng như tập quán pháp, tiền lệ pháp hình thành không phải do cơ quan lập pháp, nó được xuất hiện từ hoạt động của cơ quan hành pháp và tư pháp.

HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

❑ CÁC HÌNH THỨC PHÁP LUẬT

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

➢ Văn bản pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo một trình tự, cách thức nhất định, trong đó quy định những quy tắc xử sự chung cho mọi người, được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Là cơ sở để thiết lập, củng cố và tăng cường quyền lực nhà nước

- Một trong những nguyên lý đã được khẳng định là nhà nước chẳng thể tồn tại nếu thiếu pháp luật và pháp luật không thể phát huy hiệu lực của mình nếu không có sức mạnh của nhà nước.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Là phương tiện để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội

- Để quản lý xã hội, nhà nước dùng nhiều công cụ, biện pháp nhưng pháp luật là công cụ quan trọng nhất. Với những đặc điểm riêng của mình, pháp luật có khả năng triển khai những chủ trương, chính sách của nhà nước một cách nhanh nhất, đồng bộ và có hiệu quả nhất trên quy mô rộng lớn nhất.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Là phương tiện để nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội

- Cũng nhờ có pháp luật, nhà nước có cơ sở để phát huy quyền lực của mình và kiểm soát các hoạt động của các tổ chức, các cơ quan, các viên chức nhà nước và mọi công dân.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Góp phần tạo dựng những quan hệ mới

- Pháp luật có tính tiên phong, định hướng cho sự phát triển của các quan hệ xã hội.
- Pháp luật có vai trò quan trọng trong việc tạo dựng nên những quan hệ mới.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Góp phần tạo dựng những quan hệ mới

- Dựa trên cơ sở của những kết quả và dự báo khoa học, người ta có thể dự định được những thay đổi có thể diễn ra với những tình huống (sự kiện) cụ thể, điển hình cần có sự điều chỉnh bằng pháp luật. Từ đó pháp luật được đặt ra để định hướng trước, xác lập những quy định và có thể thiết kế những mô hình tổ chức quy định chức năng nhiệm vụ và tổ chức thực nghiệm.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Góp phần tạo dựng những quan hệ mới

- Sự phối hợp hài hòa giữa tính cụ thể của pháp luật với tính tiên phong (định hướng) của nó có một ý nghĩa tất yếu là tạo ra được sự ổn định và phát triển, kế thừa và đổi mới trực tính, làm cho pháp luật tiến bộ và toàn diện hơn.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Tạo ra môi trường ổn định trong việc thiết lập các mối quan hệ bang giao giữa các quốc gia

- Sự ổn định của mỗi nhà nước là điều kiện quan trọng để tạo ra niềm tin, là cơ sở để mở mang các mối bang giao với các nước khác. Cơ sở cho việc thiết lập và củng cố các mối quan hệ bang giao đó là pháp luật (luật pháp quốc tế và pháp luật nhà nước).

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT

Tạo ra môi trường ổn định trong việc thiết lập các mối quan hệ bang giao giữa các quốc gia

- Bên cạnh những văn bản pháp luật quy định và điều chỉnh các quan hệ xã hội có liên quan đến các chủ thể của pháp luật trong nước, còn cần có đầy đủ các văn bản pháp luật quy định và điều chỉnh các quan hệ có yếu tố nước ngoài.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

Điều chỉnh các quan hệ xã hội

- Các quan hệ giữa người với người trên các lĩnh vực của đời sống xã hội vốn rất đa dạng, phức tạp và vận động theo nhiều chiều hướng khác nhau. Nhờ có sự điều chỉnh của các quy phạm pháp luật mà các quan hệ xã hội này vận động một cách có định hướng, phù hợp với sự tiến bộ của xã hội.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

Bảo vệ các quan hệ xã hội

- Khi có hành vi vi phạm pháp luật xảy ra, xâm hại đến một loại quan hệ xã hội nào đó được nhà nước bảo vệ, thì quy phạm pháp luật – thông qua hệ thống chế tài của mình sẽ có cơ chế xử lý phù hợp đối với hành vi vi phạm nhằm phục hồi những quan hệ xã hội này. Nhờ đó, mà pháp luật bảo vệ được những quan hệ xã hội mà mình điều chỉnh.

VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

❑ CHỨC NĂNG CỦA PHÁP LUẬT

Chức năng giáo dục

- Nội dung của pháp luật chứa đựng những thông tin chính trị, kinh tế, xã hội, quan hệ cá nhân và nhiều giá trị đạo đức xã hội, thông qua hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật thì ý thức pháp luật của các cá nhân được hình thành, từ đó cá nhân sẽ có cách xử sự phù hợp với những chuẩn mực đạo đức để hình thành mô hình hành vi, xử sự phù hợp với yêu cầu của pháp luật.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI KHÁC

❑ PHÁP LUẬT VỚI NHÀ NƯỚC

- ✓ Nhà nước và pháp luật là hai khái niệm thuộc kiến trúc thượng tầng, cùng phát sinh, cùng tồn tại, cùng phát triển và cùng tiêu vong trong những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định.
- ✓ Giữa nhà nước và pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ tác động qua lại lẫn nhau, thể hiện: không có nhà nước thì không có pháp luật, ngược lại không có pháp luật thì không có cơ sở pháp lý để tổ chức bộ máy nhà nước, không có căn cứ để thiết lập, điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình tồn tại và phát triển của nhà nước.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI KHÁC

❑ PHÁP LUẬT VỚI NHÀ NƯỚC

✓ Nhà nước tuy ban hành và thừa nhận pháp luật nhưng nhà nước vẫn phải tôn trọng pháp luật, tuân thủ pháp luật, coi pháp luật như một giá trị chung của toàn xã hội.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI KHÁC

❑ PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH TRỊ

- ✓ Pháp luật và chính trị là những bộ phận khác nhau của kiến trúc thượng tầng, đều chịu sự chi phối, tác động của các quan hệ kinh tế - xã hội và các yếu tố tự nhiên khác với mức độ và phạm vi khác nhau.
- ✓ Khi các quan hệ kinh tế - xã hội thay đổi thì chính trị luôn có những thay đổi trước, sau đó mới đến pháp luật.
- ✓ Trong mối quan hệ với chính trị, pháp luật được coi là một biện pháp, một phương tiện để phục vụ các mục tiêu chính trị.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG XÃ HỘI KHÁC

❑ PHÁP LUẬT VÀ KINH TẾ

✓ Pháp luật là hiện tượng thuộc kiến trúc thượng tầng, còn kinh tế là hiện tượng cơ bản của cơ sở hạ tầng, nhưng hai hiện tượng này luôn có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau.

- Điều kiện kinh tế là nguyên nhân trực tiếp quyết định sự ra đời của pháp luật, tính chất của các quan hệ kinh tế quyết định tính chất của hệ thống pháp luật.
- Về phía mình pháp luật có tác dụng tích cực thúc đẩy hoặc kiềm hãm sự phát triển của nền kinh tế.

CẢM ƠN

LAW106 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Bài 3: QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT

ThS. NGUYỄN THỊ THÁI HÀ

QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT

ThS. Nguyễn Thị Thái Hà

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Bài học này cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

- *Khái niệm, đặc điểm và cấu trúc của quy phạm pháp luật;*
- *Khái niệm, đặc điểm văn bản quy phạm pháp luật*
- *Các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay và hiệu lực của một văn bản quy phạm pháp luật*
- *Khái niệm, đặc điểm, cấu trúc của quan hệ pháp luật*
- *Khái niệm, phân loại các sự kiện pháp lý.*

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài này, sinh viên có thể hiểu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản về:

- Quy phạm pháp luật
- Văn bản quy phạm pháp luật
- Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam
- Quan hệ pháp luật
- Sự kiện pháp lý

NỘI DUNG

- QUY PHẠM PHÁP LUẬT
- VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
- QUAN HỆ PHÁP LUẬT

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ KHÁI NIỆM

Quy phạm pháp luật là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt ra hoặc thừa nhận thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị để điều chỉnh các quan hệ xã hội với mục đích xây dựng xã hội trật tự và ổn định.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ ĐẶC ĐIỂM

1. Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước
2. Là quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung
3. Thể hiện ý chí và bảo vệ lợi ích giai cấp thống trị
4. Xác lập chặt chẽ, rõ ràng, chính xác và được ghi nhận trong các VBQPPL
5. Được thực hiện nhiều lần trong đời sống

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Quy phạm pháp luật này ban hành để áp dụng vào trường hợp nào?

Giả định

Gặp trường hợp đó nhà nước muốn các chủ thể xử sự như thế nào?

Quy định

Nếu các chủ thể xử sự không đúng với yêu cầu của nhà nước thì nhà nước sẽ xử lý như thế nào?

Chế tài

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Bộ phận giả định

- ✓ Khái niệm: Giả định là bộ phận nêu lên những chủ thể (cá nhân, tổ chức) và hoàn cảnh của chủ thể cần có những xử sự theo quy định của nhà nước.
- ✓ Ví dụ: Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Bộ phận giả định

✓ Phân loại:

- Giả định đơn giản (nêu một điều kiện, hoàn cảnh);
- Giả định phức tạp (nêu nhiều điều kiện, hoàn cảnh).

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Bộ phận quy định

- ✓ Khái niệm: Quy định là một bộ phận nêu lên cách xử sự (được làm gì, không được làm gì, phải làm gì) mà chủ thể buộc phải tuân theo khi ở trong điều kiện, hoàn cảnh đã nêu trong phần giả định của quy phạm pháp luật.
- ✓ Ví dụ: Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Bộ phận quy định

✓ Phân loại:

- Căn cứ vào mức độ xác định của quy tắc hành vi: Quy định xác định, quy định tùy nghi.
- Căn cứ vào tính chất và phương pháp tác động lên quan hệ xã hội: Quy định cấm đoán, quy định mệnh lệnh, quy định trao quyền.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Bộ phận chế tài

- ✓ Khái niệm: Chế tài là một bộ phận nêu lên những biện pháp tác động mà nhà nước dự kiến sẽ áp dụng đối với những chủ thể không thực hiện đúng những mệnh lệnh mà nhà nước đã nêu lên trong phần quy định.
- ✓ Ví dụ: Người nào bắt cóc người khác làm con tin nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Bộ phận chế tài

✓ Phân loại:

Căn cứ vào tính chất các biện pháp tác động và cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp đó, chế tài của quy phạm pháp luật bao gồm:

- Chế tài hình sự;
- Chế tài hành chính;
- Chế tài dân sự;
- Chế tài kỷ luật.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ KHÁI NIỆM

Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo một trình tự, thủ tục luật định, có chứa các quy tắc xử sự chung nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, được áp dụng nhiều lần trong đời sống thực tế và được đảm bảo thực hiện bằng các biệp pháp cưỡng chế nhà nước.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ ĐẶC ĐIỂM

1. Là văn bản do CQNN có thẩm quyền ban hành
2. Là văn bản được ban hành theo một trình tự, thủ tục và hình thức luật định
3. Có chứa quy phạm pháp luật
4. Được áp dụng nhiều lần trong đời sống khi có sự kiện pháp lý xảy ra
5. Được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ ĐẶC ĐIỂM

1. Là văn bản do CQNN có thẩm quyền ban hành
2. Là văn bản được ban hành theo một trình tự, thủ tục và hình thức luật định
3. Có chứa quy phạm pháp luật
4. Được áp dụng nhiều lần trong đời sống khi có sự kiện pháp lý xảy ra
5. Được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Điểm a, b Khoản 1 Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi 2020.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Hiến pháp.

2. Bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội.

3. Pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

5. Nghị định của Chính phủ; nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

6. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

7. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

8. Thông tư của Chánh án TAND tối cao; thông tư của Viện trưởng VKSND tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước.

8a. Thông tư liên tịch giữa Chánh án TAND tối cao, Viện trưởng VKSND tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Không ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

9. Nghị quyết của HĐND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương.

10. Quyết định của UBND cấp tỉnh.

11. Văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

12. Nghị quyết của HĐND huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh, TP thuộc TP trực thuộc Trung ương.

13. Quyết định của UBND cấp huyện.

14. Nghị quyết của HĐND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

15. Quyết định của UBND cấp xã.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- ➢Hiệu lực theo thời gian
- ➢Hiệu lực theo không gian
- ➢Hiệu lực theo đối tượng tác động

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Hiệu lực theo thời gian

Hiệu lực theo thời gian

Thời điểm phát sinh hiệu lực

Thời điểm chấm dứt hiệu lực

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Hiệu lực theo thời gian

45 ngày

Kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành (CQNN ở Trung ương)

10 ngày

Kể từ ngày ký ban hành VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh

07 ngày

Kể từ ngày ký ban hành VBQPPL của HĐND, UBND huyện, xã

Thời điểm phát sinh hiệu lực:
Quy định tại văn bản nhưng không được sớm hơn các mốc thời gian sau

Thời điểm phát sinh hiệu lực

**** trừ những trường hợp đặc biệt, khẩn cấp*

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Hiệu lực theo thời gian

Thời điểm chấm dứt hiệu lực

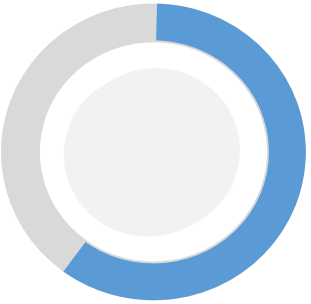

Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản;

Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành nó;

Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

VBQPPL hết hiệu lực thì VBQPPL quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực.

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Hiệu lực theo không gian

Ghi rõ trong văn bản

Căn cứ thẩm quyền và nội dung

CQNN ở trung ương (toàn lãnh thổ)*

CQNN ở địa phương (địa phương)

** Trừ một số trường hợp ngoại lệ*

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

❑ HIỆU LỰC CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT – Hiệu lực theo đối tượng tác động

- ✓ Văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam sẽ có hiệu lực với mọi cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam, trừ những người được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao;
- ✓ Những văn bản quy phạm pháp luật quy định riêng cho một số đối tượng thì chỉ có hiệu lực đối với đối tượng đó.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ KHÁI NIỆM

Quan hệ xã hội — điều chỉnh bởi — **Quy phạm pháp luật**

Quan hệ pháp luật

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ KHÁI NIỆM

Quan hệ pháp luật là những quan hệ nảy sinh trong đời sống xã hội, được các quy phạm pháp luật điều chỉnh, trong đó các chủ thể tham gia có những quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định và đảm bảo thực hiện.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ ĐẶC ĐIỂM

1. Mang tính ý chí
2. Phát sinh trên cơ sở quy phạm pháp luật
3. Các bên chủ thể tham gia quan hệ pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ ĐẶC ĐIỂM

Thứ nhất, quan hệ pháp luật mang tính ý chí.

- ✓ Quan hệ pháp luật phát sinh do ý chí của con người.
- ✓ Quan hệ pháp luật xuất hiện do sự điều chỉnh của quy phạm pháp luật, thể hiện ý chí của nhà nước hoặc thể hiện ý chí của các bên chủ thể tham gia quan hệ pháp luật trong khuôn khổ ý chí của nhà nước.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ ĐẶC ĐIỂM

Thứ hai, quan hệ pháp luật phát sinh trên cơ sở quy phạm pháp luật.

Quan hệ pháp luật là kết quả từ sự điều chỉnh của quy phạm pháp luật đến quan hệ xã hội. Quy phạm pháp luật dự kiến các tình huống điển hình (bộ phận giả định), xác định cách xử sự bắt buộc (bộ phận quy định), đưa ra biện pháp xử lý khi không thực hiện (bộ phận chế tài). Bằng quy phạm pháp luật, ý chí nhà nước tác động đến ý chí các bên tham gia quan hệ pháp luật.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ ĐẶC ĐIỂM

Thứ ba, các bên chủ thể tham gia quan hệ pháp luật thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý.

Quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội làm cho các quan hệ xã hội đó có tính chất pháp lý, nghĩa là quy định cho các bên chủ thể tham gia quan hệ các quyền và nghĩa vụ nhất định. Quan hệ pháp luật là quan hệ hai chiều qua lại, quy phạm pháp luật trao quyền cho một bên, cũng đồng thời giao nghĩa vụ cho một bên sao cho tương ứng với quyền của bên kia. Quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên chủ thể tham gia quan hệ pháp luật tạo thành nội dung của quan hệ pháp luật.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

- Phân loại: căn cứ tính chất quan hệ xã hội, cách thức tác động của quy phạm pháp luật

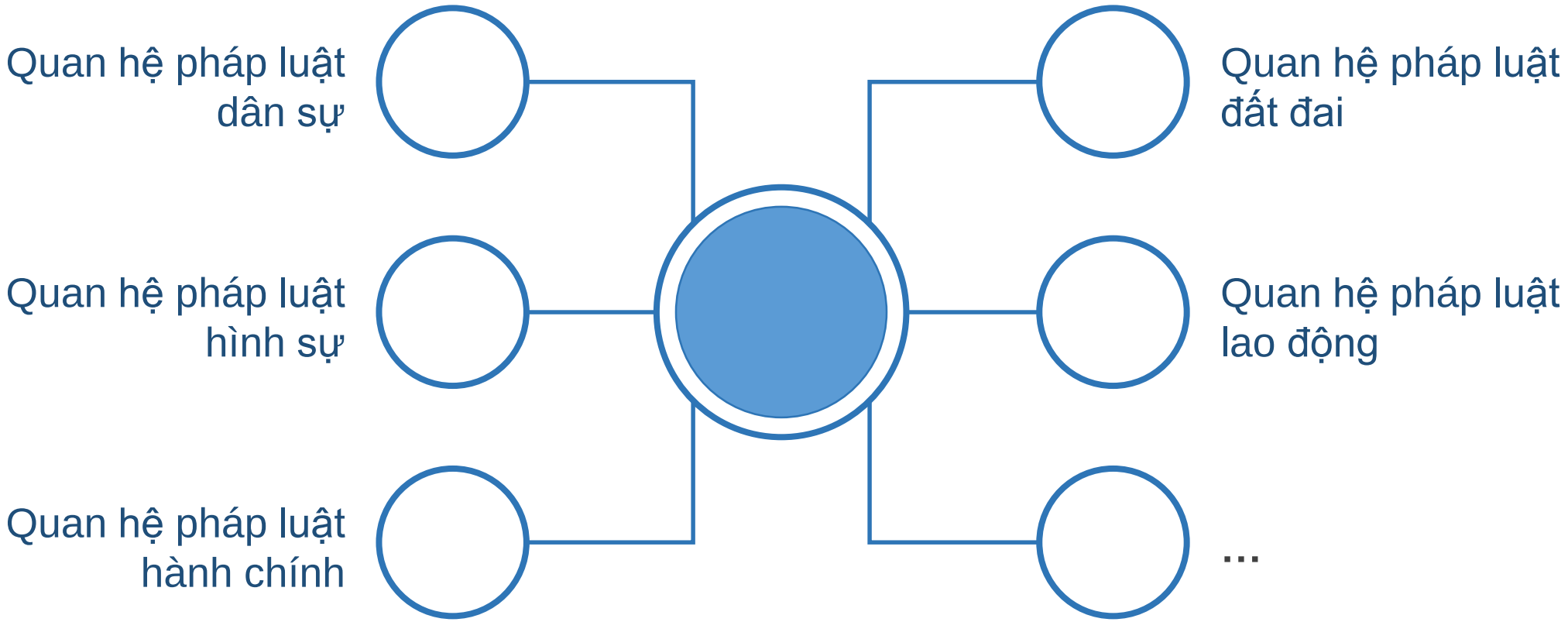

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

- Phân loại: căn cứ tính chất chủ thể và ý chí chủ thể

Quan hệ pháp luật bình đẳng

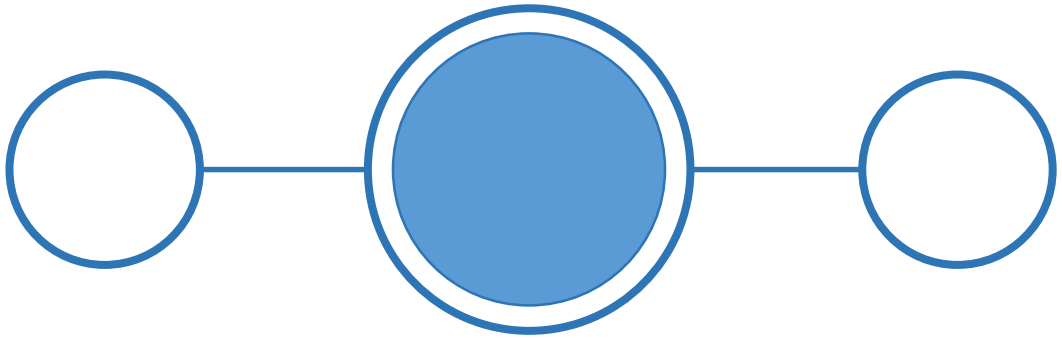

Quan hệ pháp luật phụ thuộc

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

- Phân loại: căn cứ tính độc lập của quyền và nghĩa vụ chủ thể

Quan hệ pháp luật tương đối

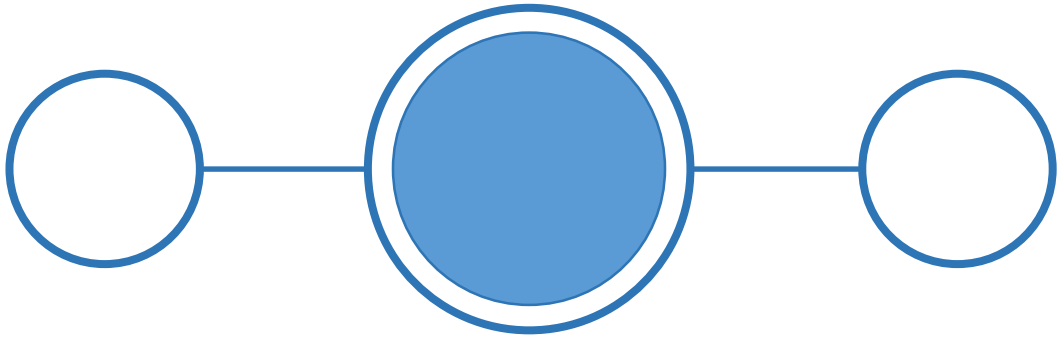

Quan hệ pháp luật tuyệt đối

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT

01 Chủ thể của quan hệ pháp luật

02 Khách thể của quan hệ pháp luật

03 Nội dung của quan hệ pháp luật

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Chủ thể của quan hệ pháp luật

Chủ thể của quan hệ pháp luật là cá nhân, tổ chức có khả năng, theo những điều kiện pháp luật quy định, tham gia các quan hệ pháp luật nhất định. Vậy, để trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật, cá nhân, tổ chức phải có năng lực chủ thể.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Chủ thể của quan hệ pháp luật

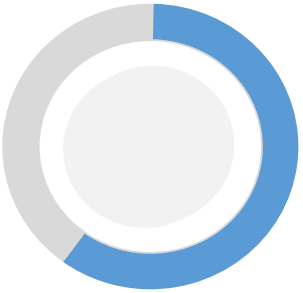

Năng lực pháp luật

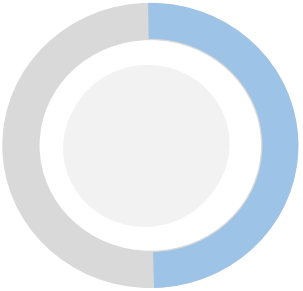

Năng lực hành vi

Năng lực chủ thể

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Chủ thể của quan hệ pháp luật

- ✓ Năng lực pháp luật là khả năng của chủ thể có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Quyền và nghĩa vụ mà các chủ thể có trong quan hệ pháp luật không xuất phát từ ý chí của các bên chủ thể, mà tất cả đều phụ thuộc vào ý chí của nhà nước. Chủ thể có năng lực pháp luật thì được tham gia hoặc phải tham gia vào các quan hệ pháp luật nhất định.
- ✓ Năng lực hành vi là khả năng của chủ thể, bằng hành vi của chính mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý. Với năng lực hành vi, chủ thể tham gia một cách chủ động vào quan hệ pháp luật, tự mình xác lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Chủ thể của quan hệ pháp luật

Chủ thể là cá nhân:

- ✓ Năng lực pháp luật của cá nhân xuất hiện kể từ khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi cá nhân chết. Năng lực hành vi chỉ xuất hiện khi cá nhân đến độ tuổi nhất định và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi.
- ✓ Năng lực hành vi ở mỗi nhóm quan hệ pháp luật khác nhau xuất hiện ở cá nhân trong những độ tuổi khác nhau. Độ tuổi không phải là tiêu chuẩn chính xác tuyệt đối để đánh giá khả năng nhận thức của cá nhân, tuy nhiên, độ tuổi phản ánh được trên bình diện rộng và ở mức độ cao điều kiện tâm – sinh lý của cá nhân.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Chủ thể của quan hệ pháp luật

Chủ thể là tổ chức:

Tổ chức là chủ thể của quan hệ pháp luật khi có năng lực chủ thể. Năng lực chủ thể của tổ chức xuất hiện từ khi tổ chức được thành lập và mất đi khi tổ chức không còn tồn tại nữa.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Khách thể của quan hệ pháp luật

Khách thể của quan hệ pháp luật là lợi ích mà các bên chủ thể hướng tới khi tham gia quan hệ pháp luật.

- ✓ Khách thể phản ánh lợi ích của các chủ thể.
- ✓ Khách thể là mục đích, là động cơ mà vì nó các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật.
- ✓ Khách thể là một yếu tố không thể thiếu của quan hệ pháp luật.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Nội dung của quan hệ pháp luật

Nội dung là yếu tố cấu thành cơ bản của quan hệ pháp luật. Nội dung của quan hệ pháp luật bao gồm:

- ✓ Quyền của các chủ thể quan hệ pháp luật;
- ✓ Nghĩa vụ của các chủ thể quan hệ pháp luật.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Nội dung của quan hệ pháp luật

Quyền chủ thể là khả năng pháp luật cho phép chủ thể được thực hiện những xử sự theo cách thức nhất định, bao gồm:

- ✓ Khả năng thực hiện những xử sự trong khuôn khổ mà pháp luật đã xác định trước;
- ✓ Khả năng yêu cầu các chủ thể khác cùng tham gia quan hệ pháp luật có nghĩa vụ phải thực hiện hoặc không được thực hiện những xử sự nhất định;
- ✓ Khả năng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo đảm cho các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ CẤU TRÚC QUAN HỆ PHÁP LUẬT – Nội dung của quan hệ pháp luật

Nghĩa vụ chủ thể là cách xử sự mà nhà nước yêu cầu chủ thể phải thực hiện nhằm đáp ứng cho quyền của các chủ thể khác cùng tham gia quan hệ pháp luật, bao gồm:

- ✓ Cần phải thực hiện một số xử sự nhất định mang tính bắt buộc;
- ✓ Cần kiềm chế không thực hiện một số xử sự nhất định;
- ✓ Cần phải chịu trách nhiệm pháp lý khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu của nhà nước.

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ SỰ KIỆN PHÁP LÝ

✓ Khái niệm: Sự kiện pháp lý là những sự kiện trong số các sự kiện xảy ra trong thực tế và liên quan đến quy định pháp luật. Sự kiện pháp lý xuất hiện hay mất đi được pháp luật gắn với sự phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật.

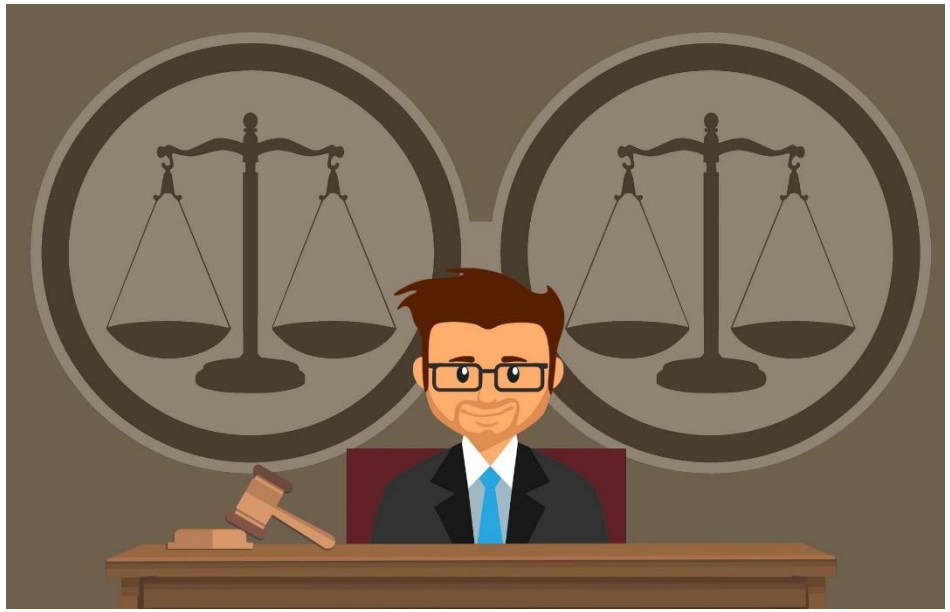

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ SỰ KIỆN PHÁP LÝ - Phân loại

1. Căn cứ vào số lượng, điều kiện làm nảy sinh hậu quả pháp lý
2. Căn cứ vào hậu quả pháp lý mà sự kiện pháp lý làm nảy sinh
3. Căn cứ vào dấu hiệu ý chí

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ SỰ KIỆN PHÁP LÝ - Phân loại

Sự kiện pháp lý đơn giản

Sự kiện pháp lý phức hợp

Căn cứ số lượng, điều kiện
làm nảy sinh hệ quả pháp lý

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ SỰ KIỆN PHÁP LÝ - Phân loại

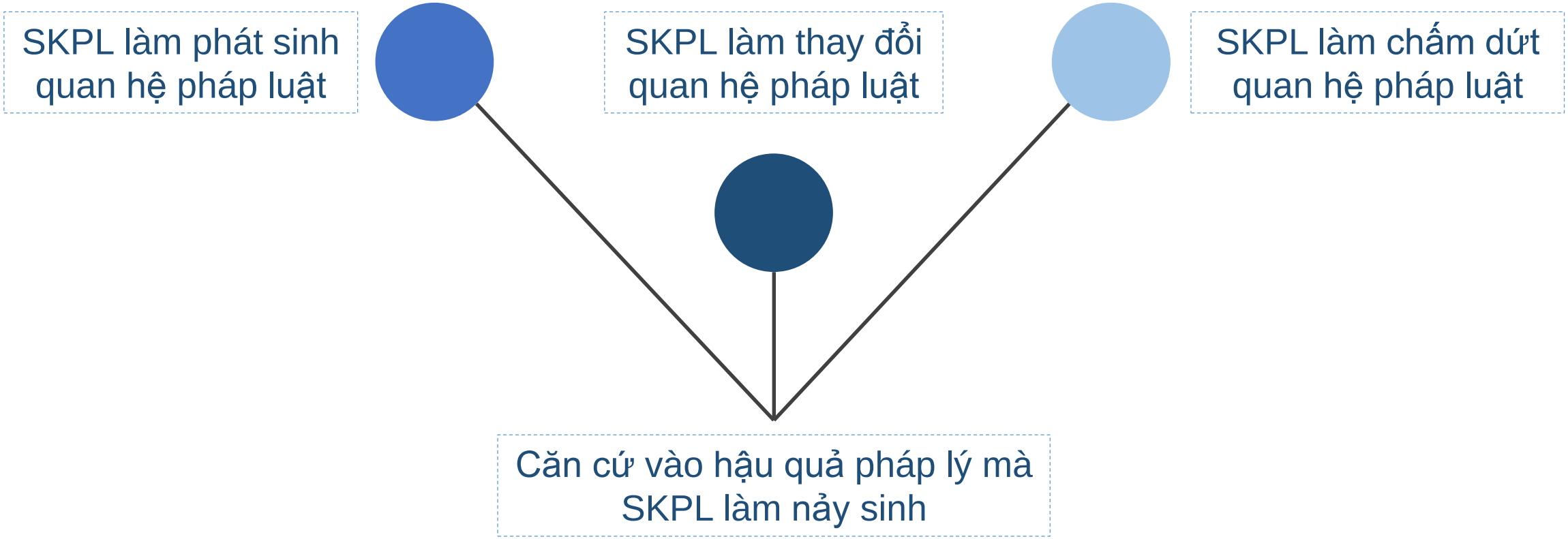

QUAN HỆ PHÁP LUẬT

❑ SỰ KIỆN PHÁP LÝ - Phân loại

Căn cứ vào dấu hiệu ý chí, có thể phân loại sự kiện pháp lý thành:

- ✓ Sự biến là sự kiện pháp lý xuất hiện không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Sự biến thông thường là những hiện tượng tự nhiên mà pháp luật gắn việc xuất hiện của chúng với sự hình thành quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật. Do đó, sự biến làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật.
- ✓ Hành vi là sự kiện pháp lý xảy ra theo ý chí của con người. Hành vi dẫn đến những hậu quả pháp lý nhất định, tức là làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật.

CẢM ƠN

LAW106 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Bài 4 : THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

GIẢNG VIÊN: THS. NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG NGUYÊN

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

Bài học này cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

- *Các hình thức thực hiện pháp luật;*
- *Dấu hiệu và các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật;*
- *Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.*

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau khi học xong bài này, sinh viên có thể hiểu và nắm bắt được những kiến thức cơ bản về:

- Thứ nhất, khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật;
- Thứ hai, khái niệm, các dấu hiệu, các yếu tố cấu thành và phân loại vi phạm pháp luật;
- Thứ ba, khái niệm, đặc điểm và các loại trách nhiệm pháp lý.

NỘI DUNG

- Thực hiện pháp luật
- Vi phạm pháp luật: khái niệm, các dấu hiệu của vi phạm pháp luật, các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật
- Trách nhiệm pháp lý: khái niệm, đặc điểm và phân loại trách nhiệm pháp lý

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

❑ KHÁI NIỆM

✓ Là quá trình các thành viên trong xã hội thực hiện các hành vi xử sự theo yêu cầu của pháp luật dưới những hình thức và tính chất thực hiện khác nhau nhưng cùng nhằm mục đích bảo đảm cho pháp luật được thực hiện, tăng cường pháp chế trong đời sống.

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT

❑ Các hình thức của thực hiện pháp luật

1. Tuân thủ pháp luật
2. Thi hành pháp luật
3. Sử dụng pháp luật
4. Áp dụng pháp luật

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Khái niệm của vi phạm pháp luật

Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện một cách cố ý hay vô ý, xâm hại đến những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật

1. • Là hành vi xác định của con người
2. • Là hành vi trái pháp luật
3. • Có lỗi
4. • Do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật

- *Hành vi xác định của con người* : Là hành vi được biểu hiện ra bên ngoài và chủ thể khác có thể nhận biết được dưới dạng hành động hoặc không hành động.

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật

- *Hành vi trái pháp luật:*

Hành vi trái pháp luật là xử sự không phù hợp với yêu cầu của pháp luật.

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật

- Có lỗi

Lỗi là trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi vi phạm của mình và hậu quả hành vi đó gây ra, bao gồm lỗi cố ý và lỗi vô ý.

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật

- Lỗi cố ý
  - Lỗi cố ý trực tiếp
  - Lỗi cố ý gián tiếp

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật

- Lỗi vô ý
  - Lỗi vô ý do quá tự tin
  - Lỗi vô ý do cẩu thả

VI PHẠM PHÁP LUẬT

NỘI DUNG	Lỗi cố ý trực tiếp	Lỗi cố ý gián tiếp	Lỗi vô ý do quá tự tin	Lỗi vô ý do cẩu thả
Có nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội	Có	Có	Có	Không
Có thấy trước hậu quả do HV đó gây ra	Có	Có	Có	Không (nhưng PL bắt họ phải thấy trước)
Có mong muốn hậu quả xảy ra	Có	Không (có ý thức để mặc)	Không (Chủ thể hy vọng, tin rằng hậu quả sẽ không xảy ra)	Hoàn toàn không

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật

- Do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện

Năng lực trách nhiệm pháp lý

- Độ tuổi
- Khả năng nhận thức

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

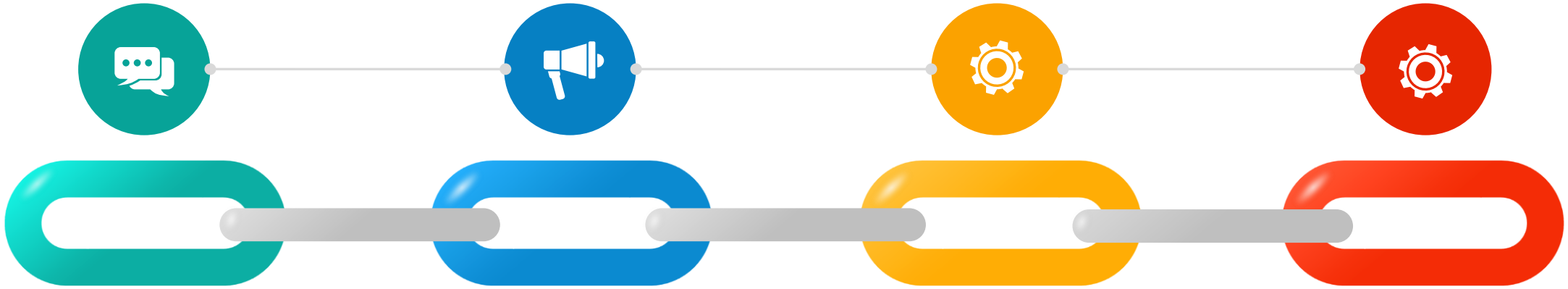

01 CHỦ THỂ

02 MẶT KHÁCH QUAN

03 MẶT CHỦ QUAN

04 KHÁCH THỂ

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Chủ thể của vi phạm pháp luật

Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý. Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể là cá nhân, có thể là tổ chức

Cá nhân

Chủ thể của vi phạm pháp luật

Tổ chức

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Mặt khách quan của vi phạm pháp luật

- Những biểu hiện ra bên ngoài thế giới khách quan của hành vi vi phạm pháp luật. Bao gồm:

☑ Hành vi trái pháp luật

☑ Sự thiệt hại do hành vi đó gây ra

☑ Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra

☑ Với những điều kiện khách quan như không gian, thời gian, hoàn cảnh thực hiện hành vi phạm pháp luật.

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Hành vi trái pháp luật

Hành động hoặc không hành động

Biểu hiện: làm điều pháp luật cấm; làm không đúng điều PL cho phép; không làm hoặc làm không đầy đủ điều PL bắt buộc.

Gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các mối quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra

Bất cứ hành vi trái pháp luật nào cũng đều gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được PL bảo vệ

Đây là yếu tố không thể thiếu của mặt khách quan

Hậu quả là yếu tố để xác định vi phạm pháp luật hoàn thành hoặc là yếu tố để xác định mức độ xử lý.

VI PHẠM PHÁP LUẬT

- Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra

Thiệt hại về mặt vật chất

Thiệt hại về mặt tinh thần

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại

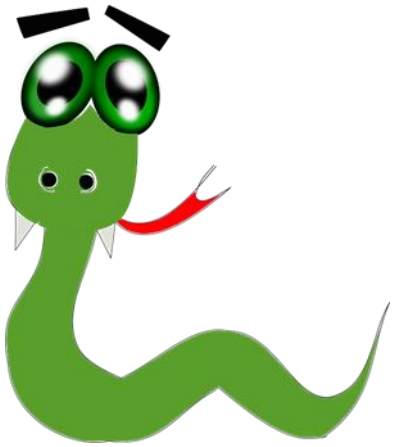

Anh A điều khiển xe moto với tốc độ cho phép. Anh A tông vào anh B khiến anh B té vào bụi cỏ gần đó nhưng anh B không bị thương. Tuy nhiên trong bụi cỏ có một con rắn, anh B vốn sợ rắn lại bị bệnh tim nên anh B bị đau tim mà chết. Trong trường hợp này, hành vi của anh A có phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của anh B hay không?

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại

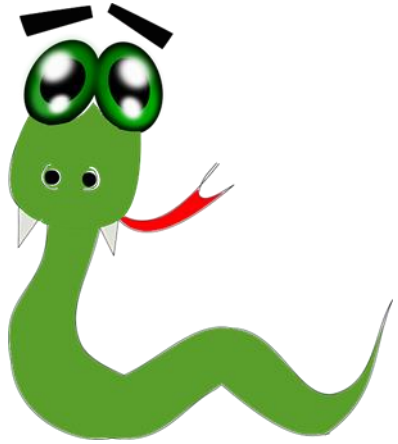

Qua ví dụ trên, cho chúng ta thấy, mối quan hệ nhân quả thể hiện ở chỗ:

Hậu quả xảy ra là nguyên nhân trực tiếp từ hành vi trái pháp luật.

Việc xác định mối quan hệ nhân quả có ý nghĩa hết sức quan trọng, nếu xác định sai có thể sẽ xảy ra tình trạng oan sai.

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật

Là toàn bộ diễn biến tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm pháp luật, gồm:

- **Lỗi**
- **Động cơ**
- **Mục đích**

VI PHẠM PHÁP LUẬT

- Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Động cơ vi phạm pháp luật

Những điều thôi thúc bên trong khiến chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Mục đích vi phạm pháp luật

Kết quả cuối cùng mà chủ thể mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi.

***Ví dụ**:* A dùng dao dí vào cổ B để thực hiện hành vi cướp tài sản, mục đích cuối cùng của A là gì?

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

Khách thể của vi phạm pháp luật

- Chính là các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ và bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại

- Ví dụ: Anh A lái xe vượt quá tốc độ tông vào anh B làm anh B té xuống đường tử vong => *Khách thể của vi phạm này là gì?*

VI PHẠM PHÁP LUẬT

❑ Các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật

CÁC LOẠI VI PHẠM PHÁP LUẬT

1. Vi phạm pháp luật hành chính
2. Vi phạm pháp luật dân sự
3. Vi phạm pháp luật hình sự
4. Vi phạm kỷ luật nhà nước

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

- Trách nhiệm pháp lý là quan hệ pháp luật đặc biệt giữa một bên là nhà nước thông qua người hay cơ quan có thẩm quyền với một bên là chủ thể vi phạm pháp luật, bên vi phạm pháp luật phải gánh chịu hậu quả bất lợi, những biện pháp cưỡng chế nhà nước được quy định trong chế tài của quy phạm pháp luật.

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

❑ Đặc điểm của trách nhiệm pháp lý

1
- Cơ sở thực tế làm phát sinh trách nhiệm pháp lý là VPPL

2
- Cơ sở thực tế thực hiện trách nhiệm pháp lý là bản án quyết định của cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền

3
- Trách nhiệm pháp lý do cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền áp dụng theo trình tự thủ tục luật định

4
- Trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với cưỡng chế nhà nước

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

❑ Các loại trách nhiệm pháp lý

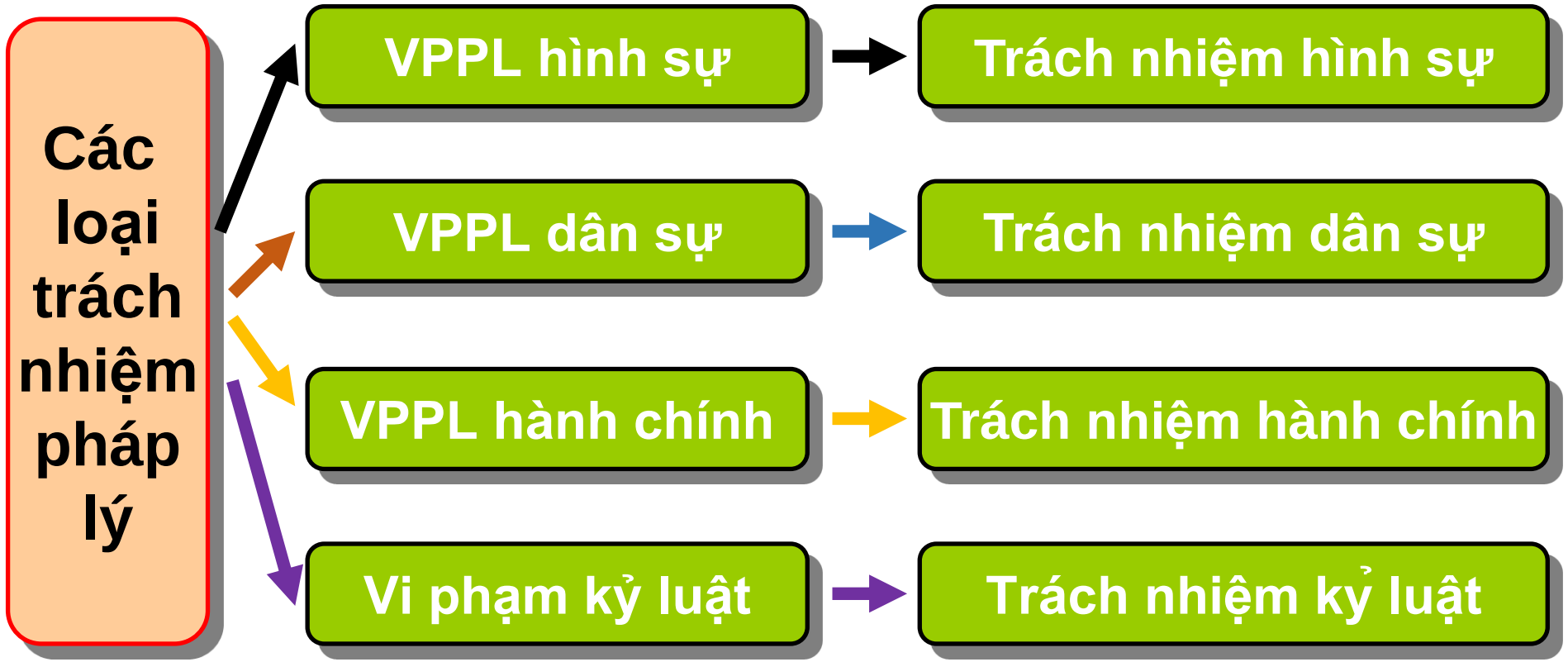

CẢM ƠN

LAW106 – PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Bài 5: Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Th.S Trịnh Thị Bích Xuyên

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Hệ thống pháp luật là tổng hợp các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau được phân chia thành các ngành luật khác nhau, mỗi ngành luật điều chỉnh các quan hệ xã hội trên các lĩnh vực: dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, kinh tế …

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Các ngành luật trong hệ thống pháp luật ở nước ta được chia thành 12 ngành luật: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hôn nhân – Gia đình, Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Kinh tế , Luật tố tụng hành chính, Luật đất đai, Luật lao động, Luật tài chính- ngân hàng. Mỗi ngành luật có đối tượng điều chỉnh riêng, có các quy định cụ thể riêng biệt là công cụ để nhà nước điều chỉnh xã hội trên các lĩnh vực tương ứng.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Trong bài này, người học cần nắm những nội dung sau:

- *Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;*
- *Những nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.*

NỘI DUNG

- GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM
- NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

TỔNG QUAN CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

- **Ngành luật**

Là một nhóm các chế định luật, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong cùng một lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bản thân ngành luật cũng là một hệ thống bao gồm nhiều chế định luật, nhiều quy phạm pháp luật nhưng nó là một hệ thống nhỏ trong hệ thống pháp luật.

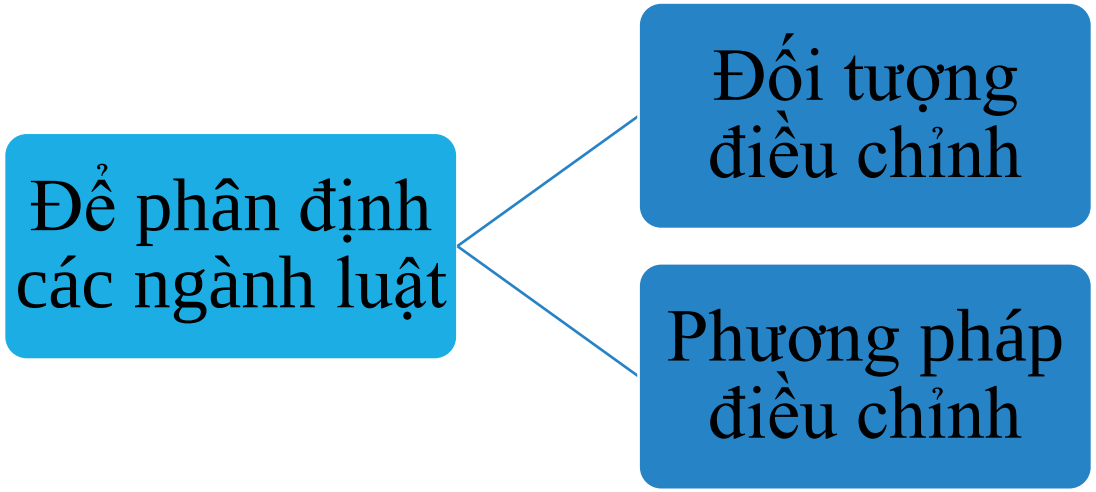

TỔNG QUAN CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

- *Hệ thống pháp luật là một "hệ thống mở" tức là số lượng các ngành luật không cố định mà luôn có sự thay đổi theo từng giai đoạn lịch sử và tùy vào quan điểm của các nhà khoa học pháp lý. Trong đó phổ biến hiện nay thì trong hệ thống pháp luật Việt Nam có các ngành luật sau*

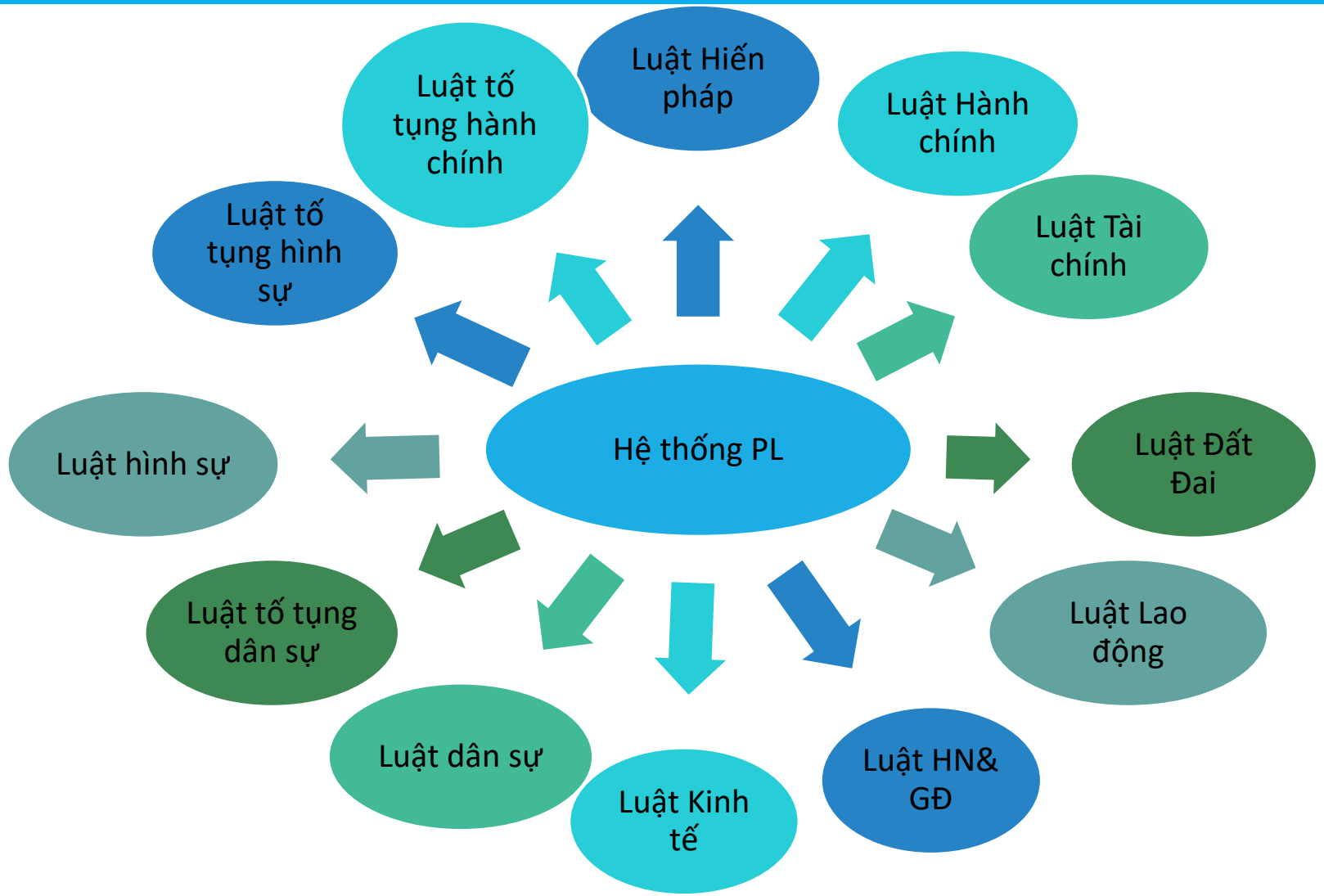

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Hiến Pháp

- *Luật Hiến pháp là ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật vì nó là ngành luật điều chỉnh các quan hệ xã hội quan trọng nhất của đất nước và tất cả các ngành luật khác đều được hình thành trên cơ sở những nguyên tắc của Luật Nhà nước.*

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Nội dung cơ bản Hiến Pháp 2013

- Chế độ chính trị
- Quốc tịch
- Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân
- Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường
- Bảo vệ tổ quốc
- Bộ máy nhà nước nước CHXHCNVN
- Hiệu lực của Hiến pháp và sửa đổi Hiến Pháp

CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

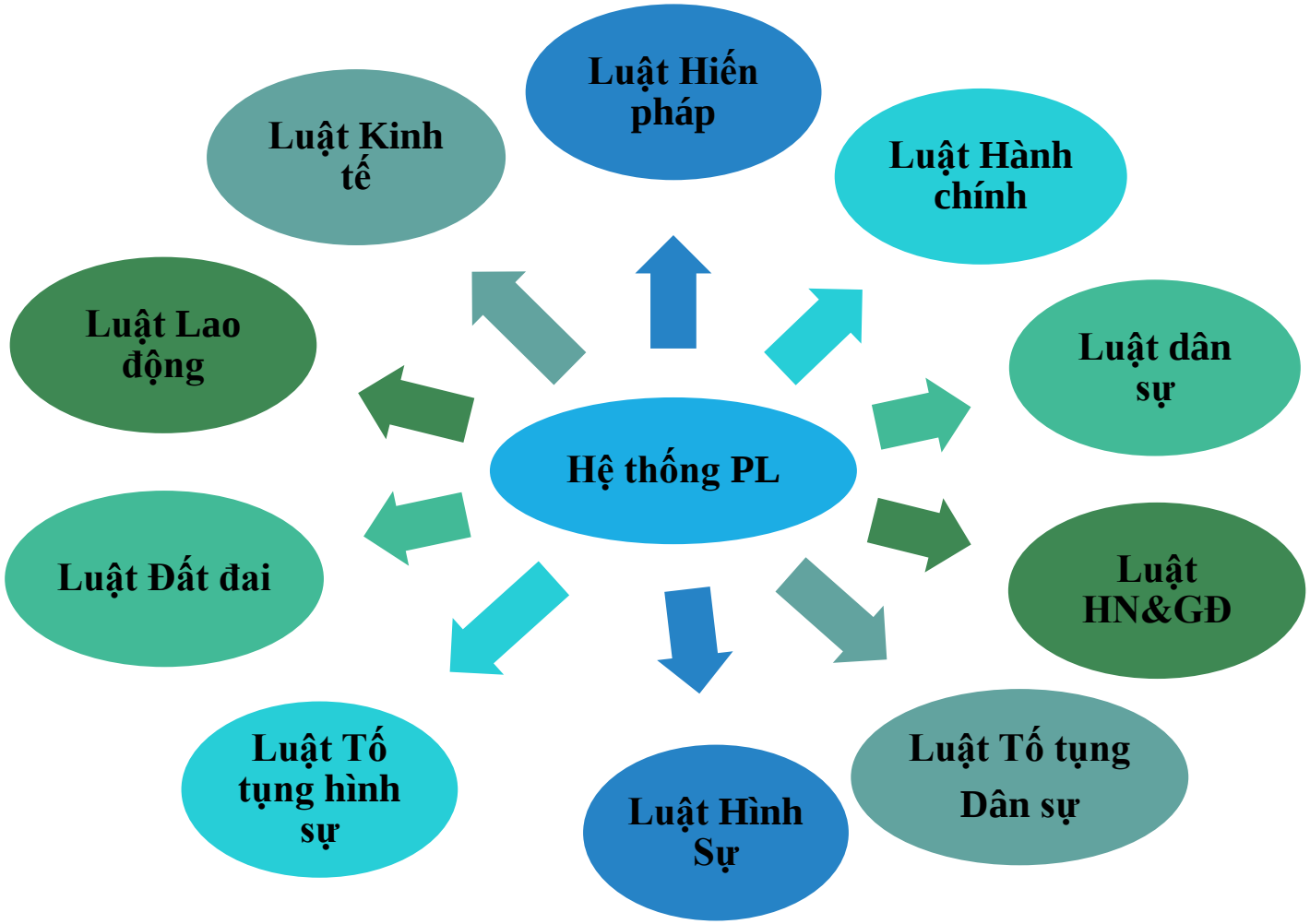

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Hành Chính

Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong tổ chức và thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Hành chính là phương pháp mệnh lệnh đơn phương.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

❑ Nội dung cơ bản Luật hành chính

- Cơ quan hành chính nhà nước
- Công vụ, cán bộ, công chức, viên chức
- Cưỡng chế hành chính
- Thủ tục hành chính

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Cưỡng chế Hành Chính

Cưỡng chế hành chính

Cưỡng chế hành chính là một loại cưỡng chế nhà nước, do cơ quan nhà nước, cá nhân có thẩm quyền của cơ quan nhà nước áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, hoặc đối với một số cá nhân, tổ chức nhất định với mục đích ngăn chặn hay phòng ngừa vi phạm hành chính, nhằm duy trì trật tự quản lý hành chính, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân.

Căn cứ vào mục đích của CCHC và quy định của pháp luật, CCHC được chia thành 5 nhóm

- Nhóm biện pháp phòng ngừa hành chính
- Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý VPHC
- Hình thức xử phạt VPHC
- Biện pháp khắc phục hậu quả
- Biện pháp xử lý hành chính

CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

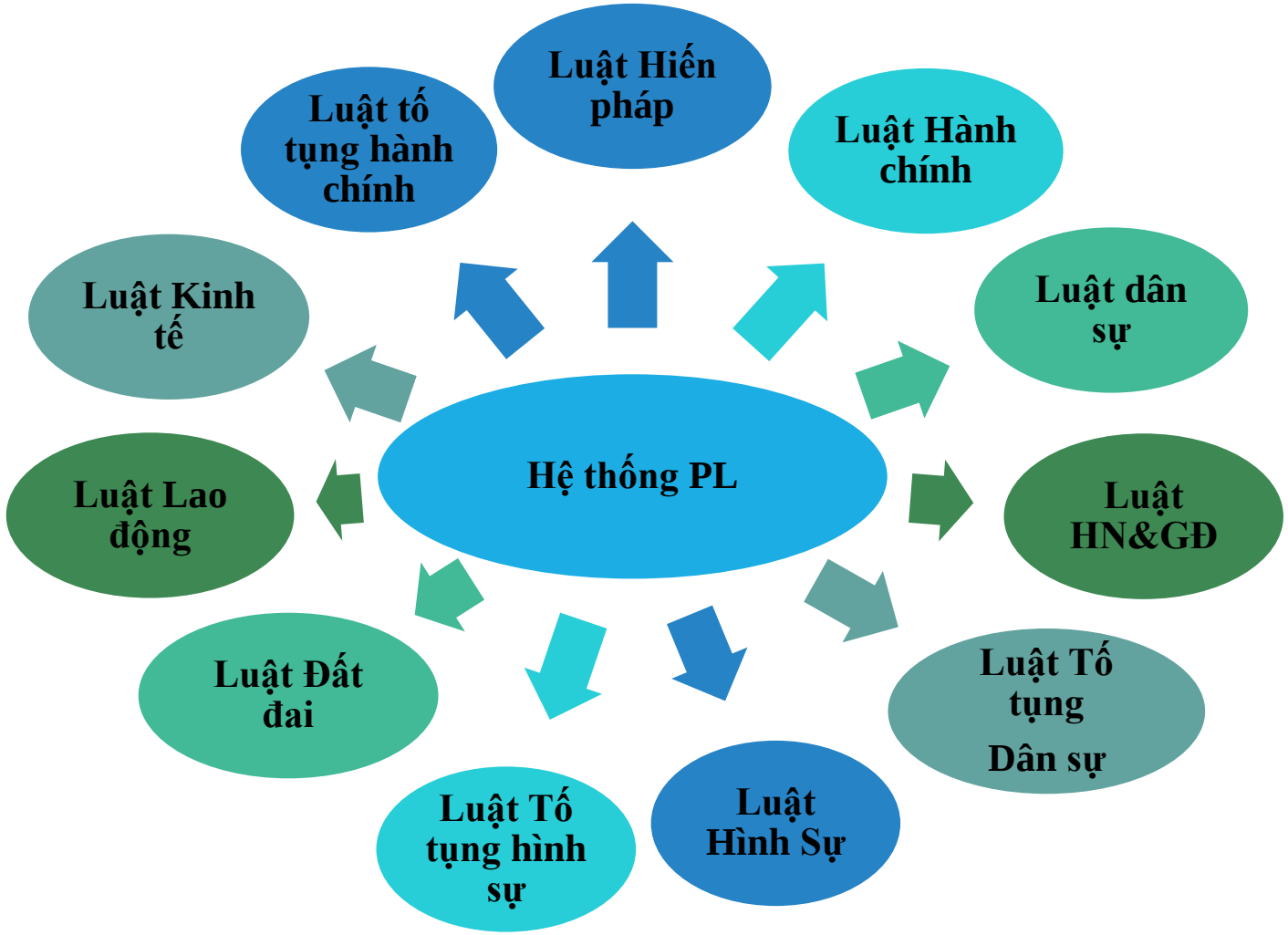

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Dân sự

- Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản mang tính chất hàng hóa tiền tệ và một số quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, độc lập và quyền tự định đoạt của các chủ thể tham gia quan hệ đó.

Luật Dân sự có các chế định quan trọng như: quyền sở hữu, hợp đồng dân sự, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thừa kế…..

- Phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự là bình đẳng, tự định đoạt.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Giao dịch dân sự là gì?

Giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. *(Điều 116 – BLDS 2015)*

Hình thức của giao dịch dân sự?

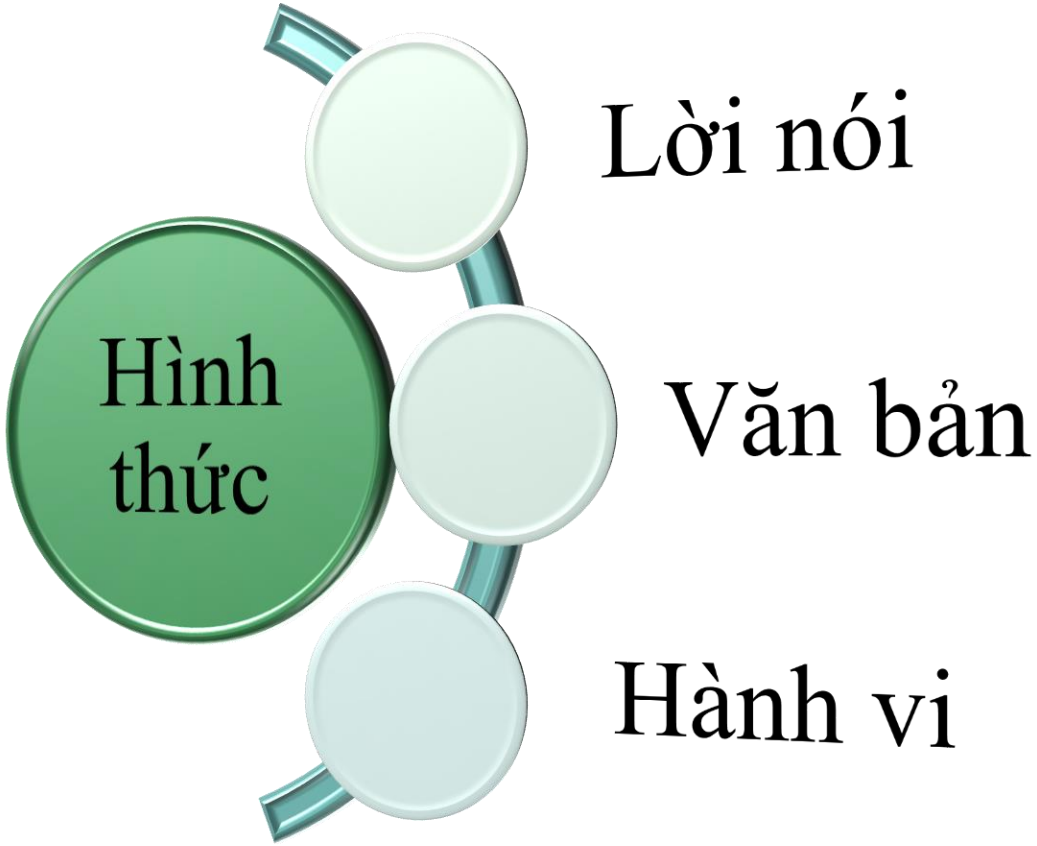

Điều 119 BLDS 2015

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Điều kiện nào để một giao dịch dân sự có hiệu lực???

Chủ thể	có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
Sự tự nguyện	Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện
Mục đích và nội dung	Không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Điều 117 BLDS 2015

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

CÁC NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

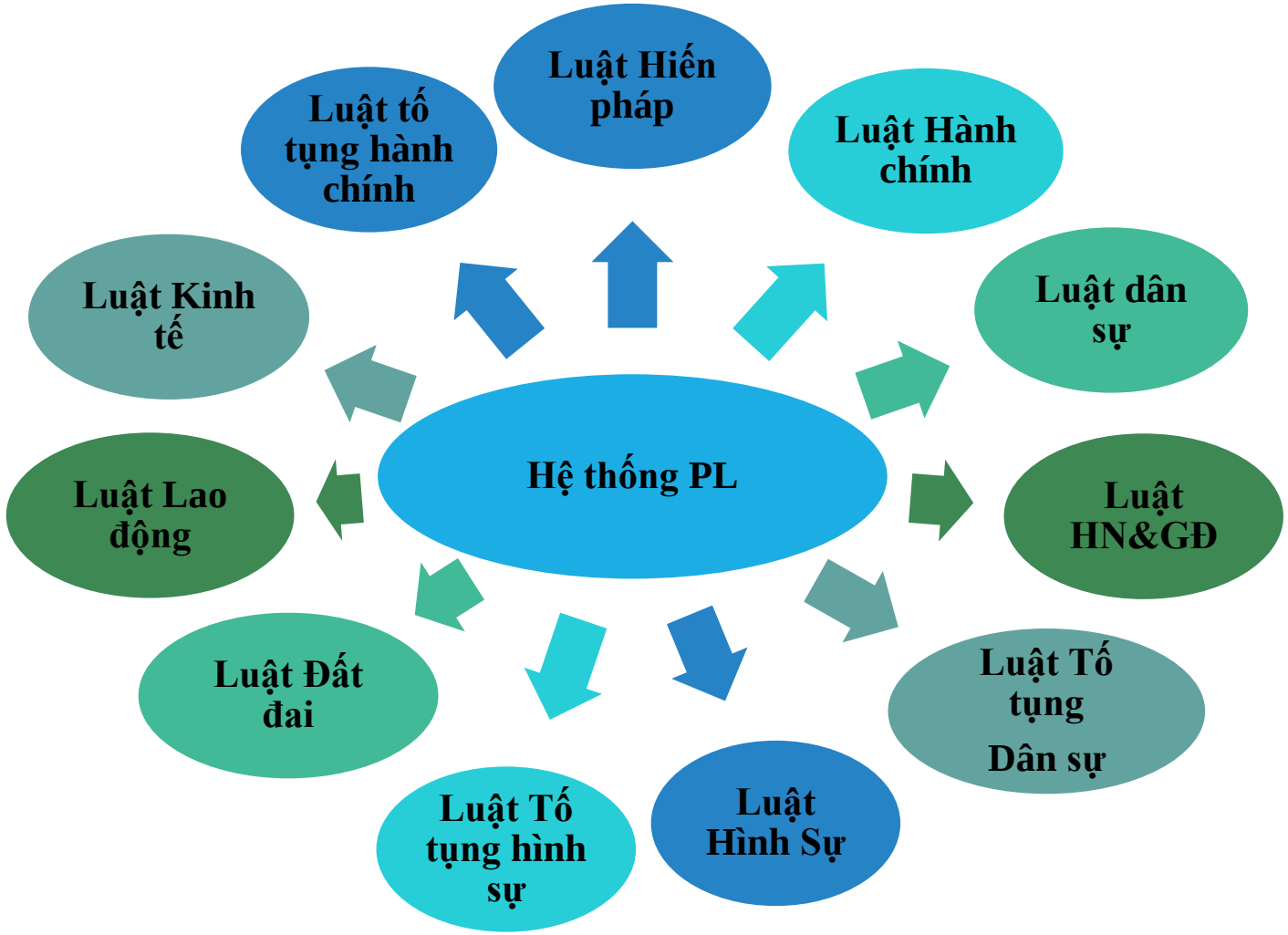

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

❑ Luật Hôn Nhân và Gia đình

- Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản phát sinh giữa các thành viên trong gia đình.
- Các nội dung chính gồm các chế định về kết hôn, quan hệ vợ chồng, quan hệ giữa cha mẹ và con, ly hôn, quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài…..
- Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Hôn nhân và gia đình là phương pháp tự nguyện, bình đẳng.

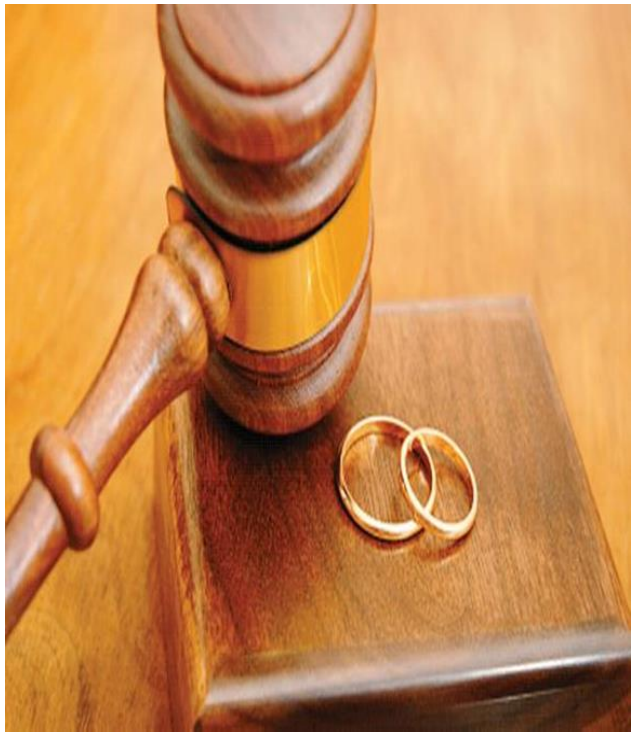

Điều kiện Kết Hôn?

Điều kiện kết hôn (Điều 8 LHNGĐ 2014)

- Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;
- Không bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.
- Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

Đăng ký kết hôn?

Đăng ký kết hôn (Điều 9 LHNGĐ 2014)

- Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.
- Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.
- Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Ly hôn?

Ly hôn là việc chấm dứt quan hệ vợ chồng theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Ly hôn

– Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

– Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

– Để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ và đứa trẻ, pháp luật quy định chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Điều 51 Luật HN&GĐ năm 2014

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Điều 59 Luật HN&GĐ 2014

Nguyên tắc: Thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Tố tụng dân sự

- Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, các đương sự và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra và giải quyết vụ án dân sự.
- Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Tố tụng dân sự là phương pháp tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, trách nhiệm hòa giải của Tòa án trên tinh thần dân chủ, đoàn kết nhằm giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

❑ Thẩm quyền của Tòa án theo Bộ Luật tố tụng dân sự

Những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

(Điều 26 BLTTDS 2015)

Những yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

(Điều 27 BLTTDS 2015)

Trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự?

Việc giải quyết một vụ án dân sự sẽ được Toàn án tiến hành theo các giai đoạn sau:

- - Giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án;
- - Giai đoạn hòa giải, chuẩn bị xét xử;
- - Giai đoạn xét xử sơ thẩm;
- - Giai đoạn xét xử phúc thẩm;
- - Giai đoạn xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm;
- - Giai đoạn thi hành bản án, quyết định dân sự của Tòa án.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

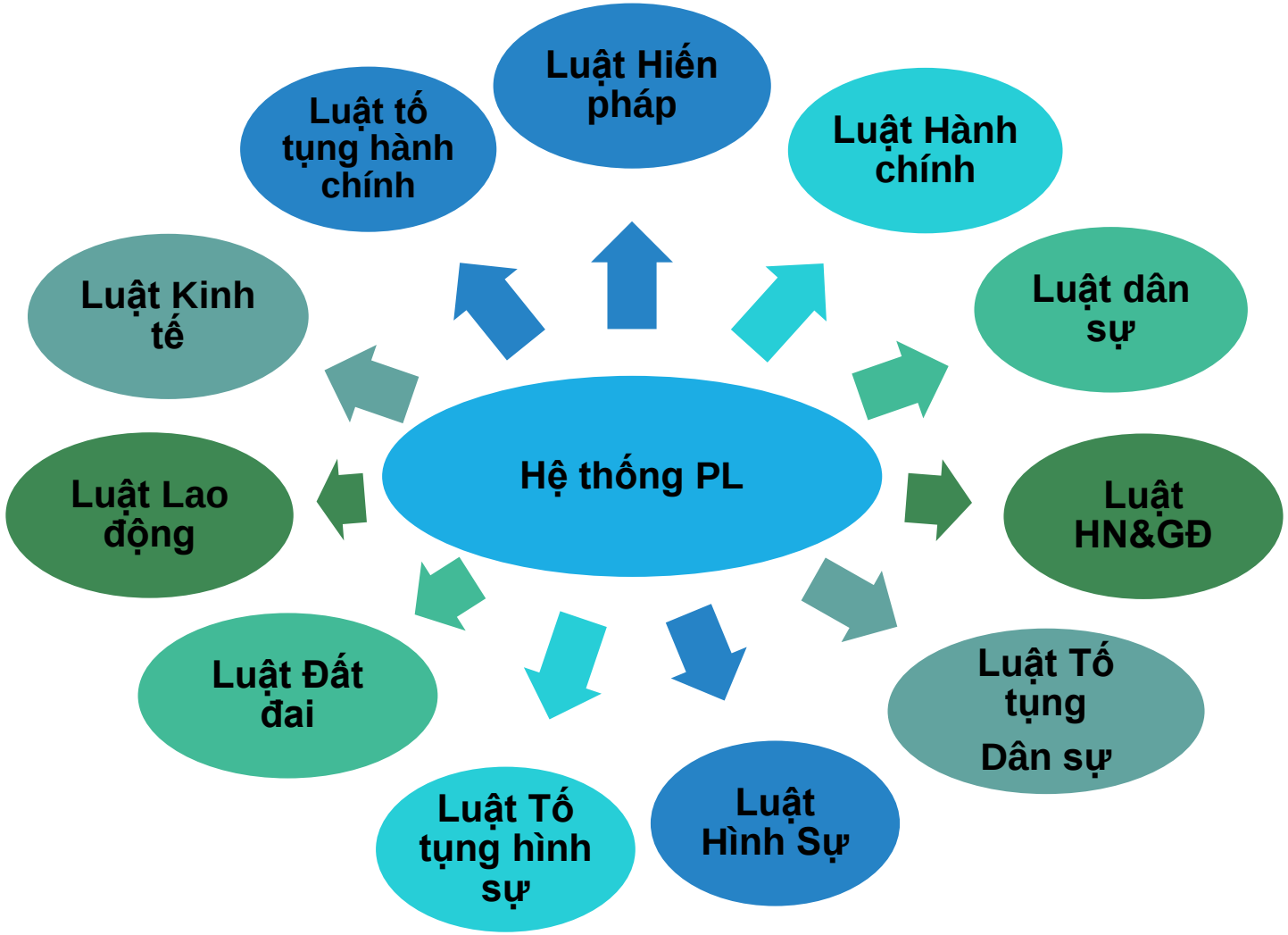

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Hình sự

- Là hệ thống các quy phạm pháp luật xác định những hành vi nguy hiểm nào cho xã hội được coi là tội phạm, đồng thời quy định hệ thống hình phạt, việc áp dụng hình phạt cho các tội phạm đó. Luật hình sự có hai phần:
- Phần chung: quy định về những nguyên tắc, nhiệm vụ, vấn đề chung về tội phạm và hình phạt…..
- Phần riêng: quy định về các tội phạm cụ thể và mức hình phạt với các loại tội phạm đó.
- Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Hình sự là phương pháp quyền uy.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

❖ Khái niệm tội phạm (Điều 8 BLHS 2015)

---------Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.

Cấu thành tội phạm

- Khách thể
- Khách quan
- Chủ thể
- Chủ quan

Cấu thành tội phạm

- **Khách thể:** các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại
- **Khách quan:** hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, hoàn cảnh phạm tội, không gian, thời gian, công cụ
- **Chủ quan:** lỗi (cố ý/vô ý), động cơ phạm tội, mục đích phạm tội
- **Chủ thể:**

Cá nhân	Pháp nhân thương mại
(Điều 12 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017) - Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm; - Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một số điều của BLHS.	- Chỉ phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 75 BLHS; - Chỉ phải chịu TNHS về các tội nhất định được quy định cụ thể tại Điều 76 BLHS.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ & HÌNH PHẠT

Trách nhiệm hình sự

- Là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc người đó thực hiện tội phạm;
- Được quy định trong BLHS, do Tòa án áp dụng theo trình tự và thủ tục luật định.

Hình phạt

- Là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong BLHS,
- Do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Mục đích của hình phạt

- Trừng trị người, PNTM phạm tội
- Giáo dục ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống,
- Ngăn ngừa họ phạm tội mới,
- Phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Hình phạt chính
(Phạt tiền, tù có thời hạn, tử hình…)

Hình phạt bổ sung
(Cấm cư trú, cấm hành nghề, tịch thu tài sản…)

Chỉ áp dụng 1

Có thể áp dụng 1 hoặc nhiều

Mỗi tội phạm

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật tố tụng hình sự

- Là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử….. Ngành luật này quy định trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự, quy định các nguyên tắc và điều kiện để tiến hành khởi tố, điều tra, truy tố, kiểm sát và xét xử vụ án hình sự; quyền và nghĩa vụ của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.

- Phương pháp điều chỉnh chủ yếu của Luật Tố tụng Hình sự là phương pháp mệnh lệnh quyền uy, dân chủ, pháp chế và nhân đạo.

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ án hình sự

Cơ quan tiến hành tố tụng

- Cơ quan điều tra
- Viện kiểm sát
- Tòa án

Người THTT

- Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT, ĐTV, cán bộ điều tra
- Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS, KSV, KTV
- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký TA, Thẩm tra viên

Người tham gia tố tụng

- Người bị buộc tội theo từng giai đoạn tố tụng: người bị tạm giữ → bị can → bị cáo
- Người tố giác
- Bị hại
- Người làm chứng

….

Người bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

- Luật sư
- Bào chữa viên nhân dân
- Người đại diện
- Trợ giúp viên pháp lý

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

Khởi tố, điều tra vụ án

Truy tố

Xét xử

Giai đoạn thi hành bản án, quyết định của tòa án

Thủ tục tố tụng đặc biệt

- Đối với người chưa thành niên phạm tội
- Thủ tục rút gọn

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

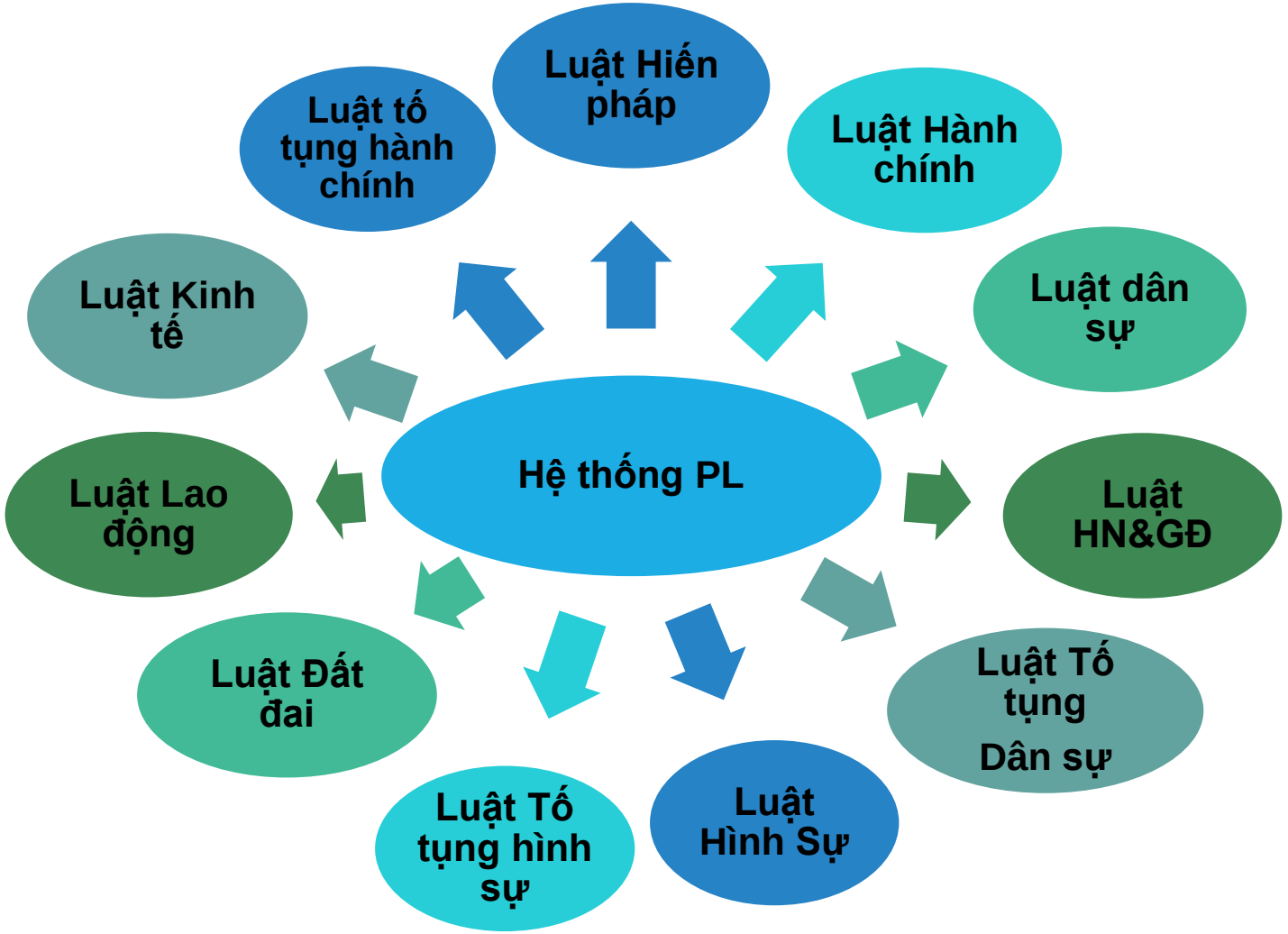

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Đất Đai

- **Nguồn của Luật đất đai:**
- - Hiến pháp 2013;
- - Luật đất đai 2013;
- - Các luật khác có liên quan;
- - Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đ

.

Nội dung cơ bản của Luật Đất Đai

- Quyền của đại diện sở hữu về đất đai (điều 13 Luật ĐĐ2013)
- Nội dung quản lý nhà nước về đất đai (Điều 22 LĐĐ 2013)
- Trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai (Điều 23 LĐĐ2013)
- Cơ quan quản lý đất đai (Điều 24 LĐĐ 2013)
- Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất (điều 166 LĐĐ 2013)

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

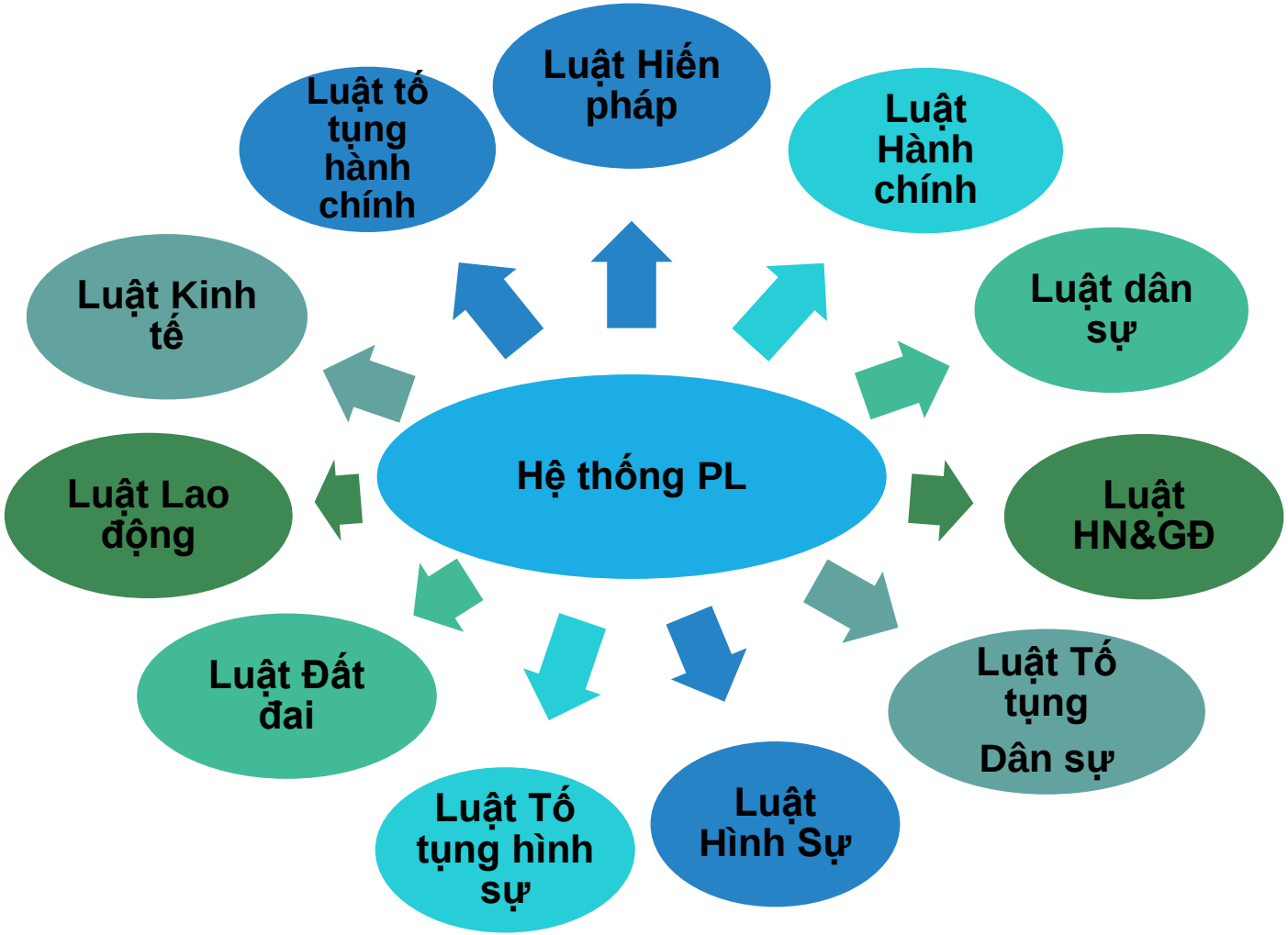

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Lao động

- Là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam,

- Gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh:
  - Quan hệ lao động làm công ăn lương giữa người lao động với người sử dụng lao động
  - Những quan hệ xã hội khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động...

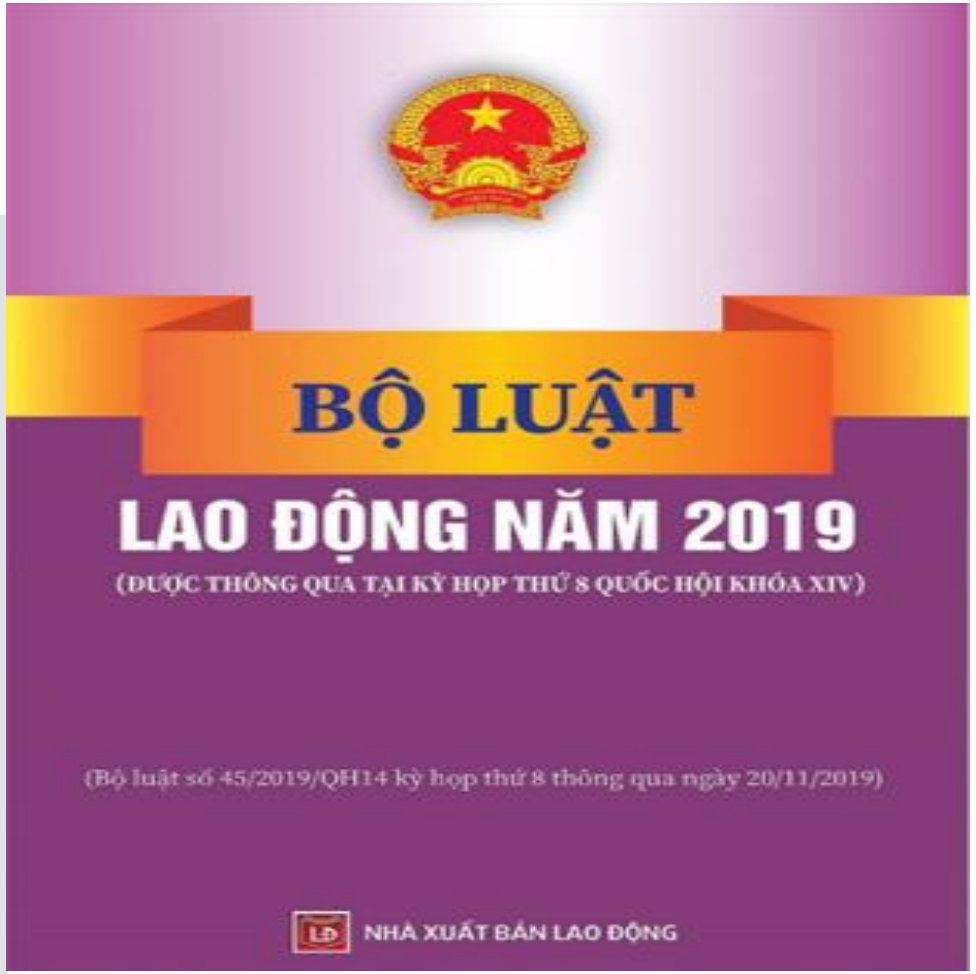

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

❑ Nội dung cơ bản Luật Lao động

- Quyền và nghĩa vụ của người lao động
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng lao động
- Hợp đồng lao động

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

HĐLĐ
không xác định thời hạn

- Không xác định thời hạn,
- Không xác định thời điểm chấm dứt hiệu lực của HĐLĐ.

(LABOUR CONTRACT) . Kyê: Kho HC
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 21/2003/TT- BLĐTBXH
Ngày 22/09/2003 của Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội)
(Issued under the Circular of the Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs
N0: 21/2003/TT BLĐTBXH on 22 September 2003)

Chúng tôi một bên là Ông/ Bà: JEONG JEA SU Quốc tịch: HÀN QUỐC
We are, from one side, Mr/Mrs Nationality :
Chức vụ: P.GIÁM ĐỐC
Position:
Đại diện cho: CÔNG TY TNHH AUNTEX Điện thoại: 06513.814.663
On behalf of Telephone:
Địa chỉ : KCN Tân Thành- Xã Tân Thành-TX.Đồng Xoài- Bình Phước.
Address:
Và một bên là Ông/ Bà : Lê Thành Nhân Quốc tịch: Việt Nam
And from other side, Mr/ Mrs: Nationality :
Sinh ngày 1982 Nơi sinh: An Giang
Date of birthday :
Nghề nghiệp: -
Occupation
Địa chỉ thường trú Hưng Thới 1 - Phú Hưng - Phú Tân - An Giang
Số CMND: 351739981 Cấp ngày 09-11-2004 Tại: Công An An Giang
Issued on day year: issued at:
Số sổ lao động (nếu có): Cấp ngày: Tại:
Labourbook N° (If any) issued on day issued at:
Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:
Agree to sign this labour contract and commit to implement the following provisions:
Điều 1: Thời hạn và công việc của hợp đồng.
Article 1: Term and work contract.
Loại hợp đồng lao động: Không Xác định thời hạn
Categories of labour contract
Từ ngày : 01 tháng 10 Năm 2013 Đến ngày : tháng Năm
from date month year To date: month

HĐLĐ
xác định thời hạn

- Xác định thời hạn,
- Xác định thời điểm chấm dứt hiệu lực,
- Thời gian ≤ 36 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của HĐLĐ.

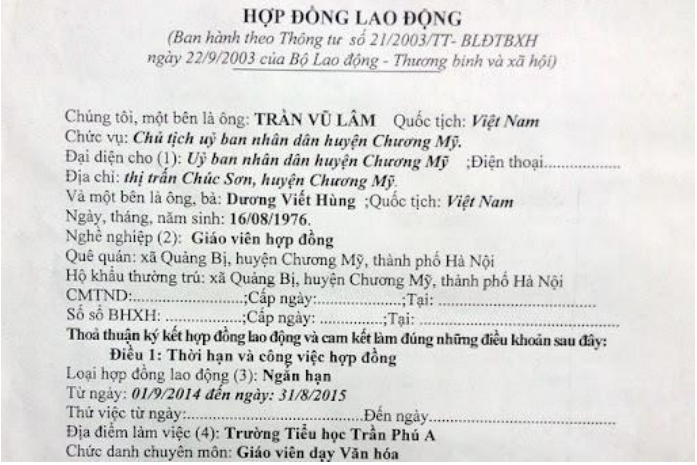
HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
(Ban hành theo Thông tư số 21/2003/TT- BLĐTBXH
ngày 22/9/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội)

Chúng tôi, một bên là ông: TRẦN VŨ LÂM Quốc tịch: Việt Nam
Chức vụ: Chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện Chương Mỹ.
Đại diện cho (1): Uỷ ban nhân dân huyện Chương Mỹ ;Điện thoại.....
Địa chỉ: thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ.
Và một bên là ông, bà: Dương Viết Hùng ;Quốc tịch: Việt Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 16/08/1976.
Nghề nghiệp (2): Giáo viên hợp đồng
Quê quán: xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
Hộ khẩu thường trú: xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
CMTND:.....;Cấp ngày:.....;Tại: .....
Số sổ BHXH: .....;Cấp ngày: .....;Tại: .....
Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:
Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng
Loại hợp đồng lao động (3): Ngắn hạn
Từ ngày: 01/9/2014 đến ngày: 31/8/2015
Thử việc từ ngày:.....Đến ngày.....
Địa điểm làm việc (4): Trường Tiểu học Trần Phú A
Chức danh chuyên môn: Giáo viên dạy Văn hóa

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Nội dung của hợp đồng lao động

Nội dung phải có

- Thông tin NSDLĐ & người ký
- Thông tin NLĐ
- Công việc và địa điểm làm
- Thời hạn
- Lương
- Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi
- Bảo hộ lao động
- BHYT, BHXH, BHTN
- Đào tạo….

Trường hợp đặc thù

- Thỏa thuận bảo vệ bí mật kinh doanh, bảo vệ bí mật công nghệ.
- Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp thì có thể:
  - Giảm nội dung chủ yếu
  - Bổ sung phương thức giải quyết khi thiên tai, hỏa hoạn

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Hình thức kỷ luật lao động

- Khiển trách
- Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng
- Cách chức
- Sa thải

Chỉ áp dụng hình thức xử lý kỷ luật sa thải trong các trường hợp quy định tại Điều 125 BLLĐ 2019

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

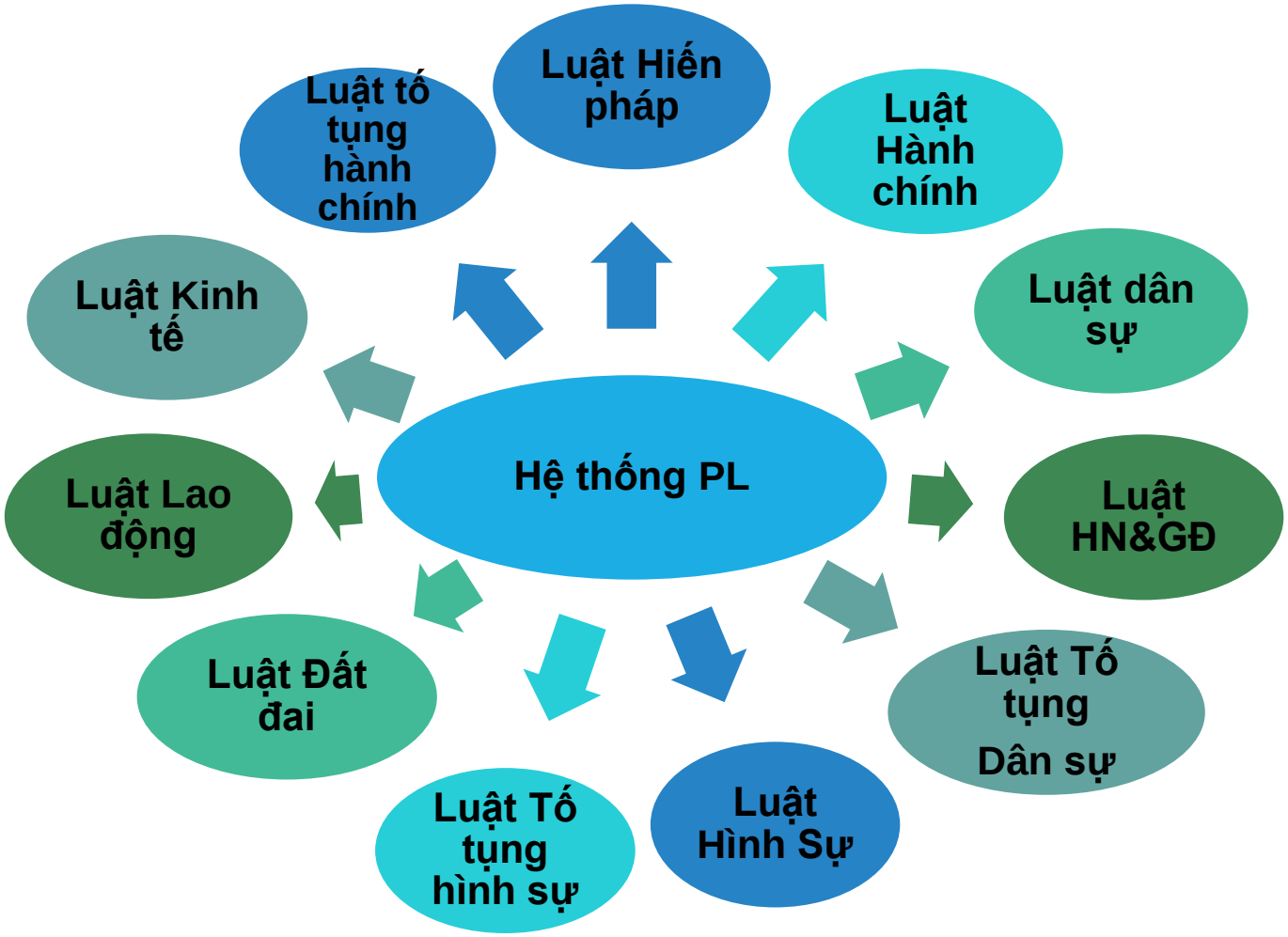

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Luật Kinh tế

- **-Nguồn của Luật kinh tế**

Nguồn của Luật kinh tế gồm các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- - Hiến pháp 2013
- - Luật doanh nghiệp 2020
- - Bộ luật dân sự 2015
- - Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Một số nội dung cơ bản của Luật Kinh tế

Doanh nghiệp

Khái niệm:

Khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định *"Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh"*.

Các loại hình doanh nghiệp hiện nay

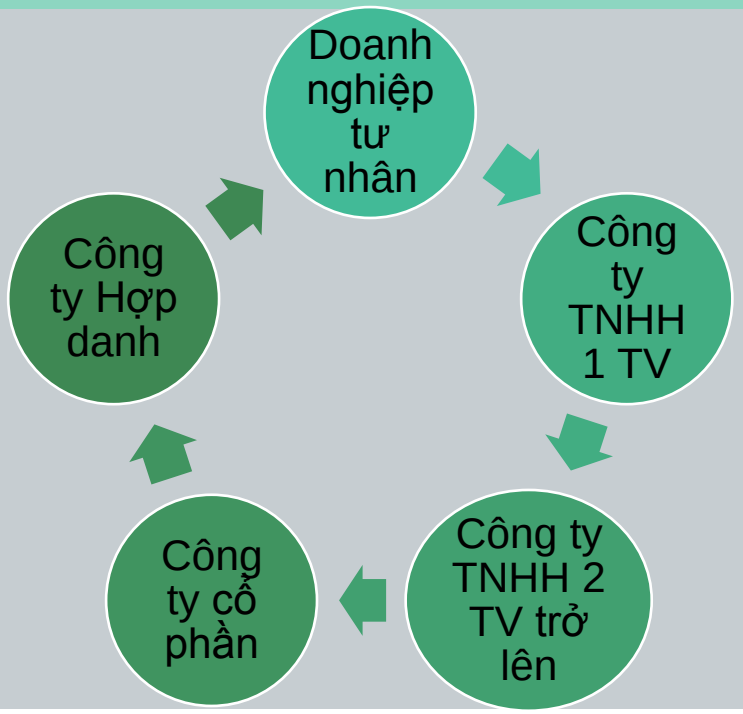

Thủ tục thành lập doanh nghiệp?

Cá nhân, tổ chức có nhu cầu thành lập doanh nghiệp phải đáp ứng các **điều kiện tài sản, điều kiện về người thành lập doanh nghiệp, điều kiện về ngành nghề kinh doanh và điều kiện về tên gọi, trụ sở giao dịch**. Người thành lập doanh nghiệp phải tiến hành thủ tục thành lập doanh nghiệp gồm ba bước:

- *- Chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp ;*
- *- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ;*
- *- Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.*

NỘI DUNG CƠ BẢN MỘT SỐ NGÀNH LUẬT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

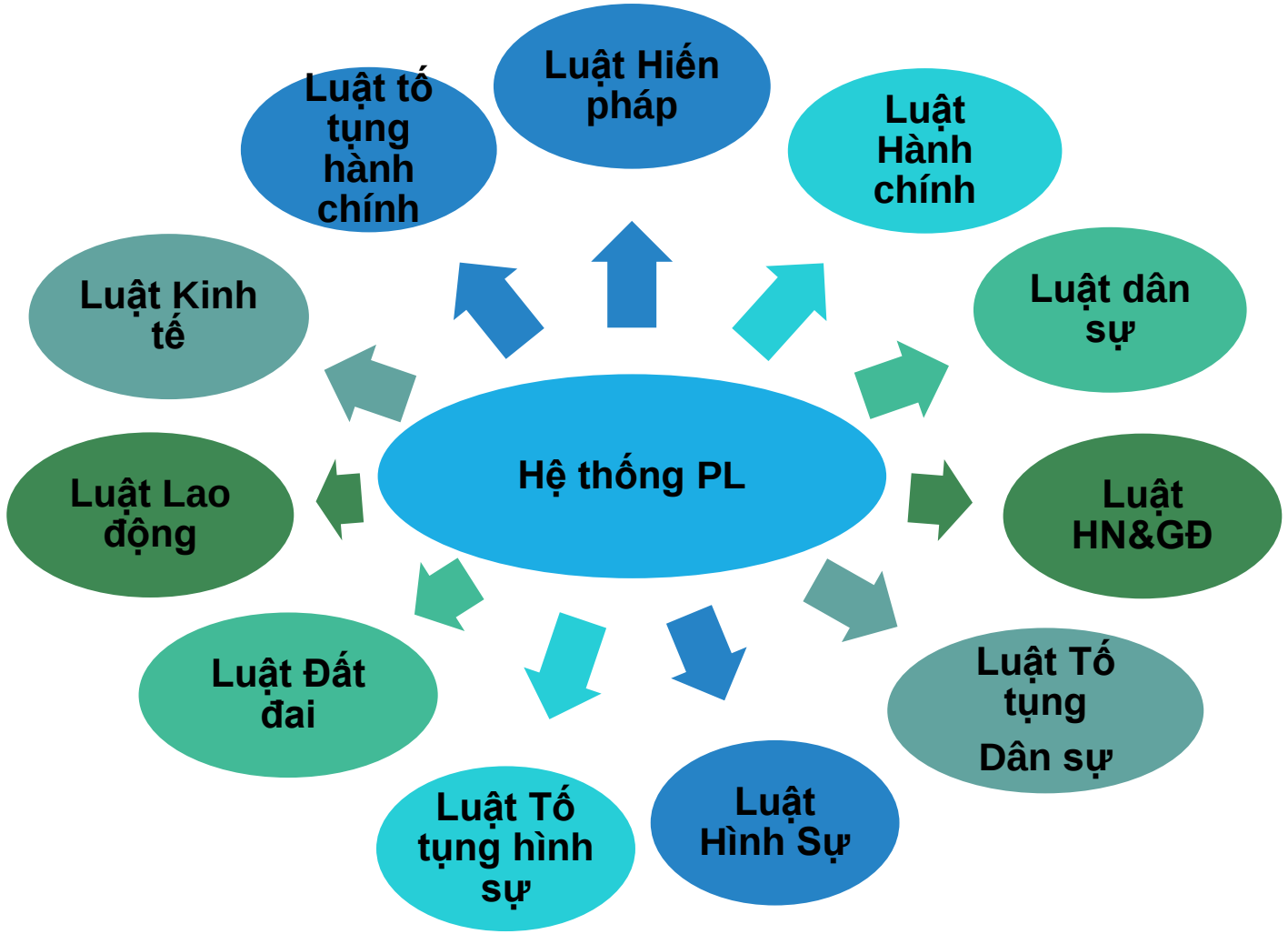

CẢM ƠN